*Ngày soạn:*

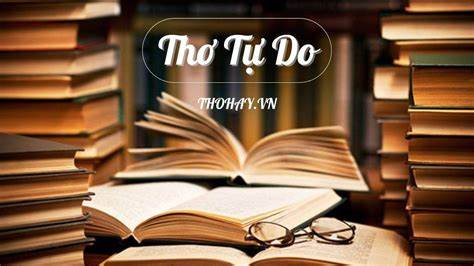
*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 7 - CHỦ ĐỀ 7: TIN YÊU VÀ ƯỚC VỌNG**

**TUẦN 21: TIẾT 96,97,98,99,100**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ TỰ DO**



*Lối viết chỉ là****Tự do****trong một khoảnh khắc. Nhưng đó là một trong những khoảnh khắc có ý nghĩa nhất của Lịch sử, bởi Lịch sử luôn luôn và trước hết là một lựa chọn và những giới hạn của lựa chọn ấy.*

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết:

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thể thơ tự do như: mạch cảm xúc, hình ảnh thơ, ngôn ngữ thơ, nhân vật trữ tình.
* Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
* Nhận biết được một số yếu tố của thơ tự do như: thể thơ, nghệ thuật, nhân vật trữ tình và ngôn ngữ thơ.

- Năng lực đọc hiểu các văn bản thơ tự do trong và ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu thương trong mỗi con người.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1:**

**CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI THƠ TỰ DO**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,  - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của thể loại thơ tự do.  **Câu hỏi:**  - Em hãy nêu cách hiểu của mình về thể loại thơ tự do và những nét đặc trưng khi tìm hiểu thể loại này?  - Bằng những tri thức đã có, em hãy so sánh sự giống và khác nhau giữa hai thể loại thể loại thơ tự do và thơ Đường luật?  -Em hãy nêu tên các văn bản mà em đã được học ở bài 7 trong SGK. NV8. KNTT  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét**  **ước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV dùng phiếu bài tập trắc nghiệm để kiểm tra sự nắm bắt tri thức của HS  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trình bày đáp án.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét** | **I/ ÔN TẬP ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ TỰ DO**   1. Thơ tự do.   – Thơ tự do khác với thơ cách luật, không có thể thức nhất định, không bị ràng buộc về số dòng, số chữ, vần, …  - Bài thơ tự do có thể là sự kết hợp của các đoạn làm theo nhiều thể khác nhau hoặc tự do hoàn toàn.   1. Nhân vật trữ tình.   – Nhân vật trữ tình (một dạng biểu hiện của chủ thể trữ tình) là người trực tiếp bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, … trong bài thơ.  – Nhân vật trữ tình “là con người “đồng dạng” của tác giả – nhà thơ hiện ra từ văn bản” (Từ điển thuật ngữ văn học’), nhưng không đồng nhất giản đơn với tác giả. Hình ảnh, ngôn từ và cảm hứng chủ đạo.– Hình ảnh trong bài thơ hiện lên qua việc tác giả sử dụng các từ ngữ (tượng thanh, tượng hình, từ láy, …) và các biện pháp tu từ gợi cho người đọc cảm nhận về bức tranh đời sống thông qua các giác quan (thị giác, thính giác, …); giúp nhà thơ miêu tả sống động hoặc truyền tải cảm xúc, tư tưởng mạnh mẽ. – Cảm hứng chủ đạo trong thơ là trạng thái cảm xúc, tình cảm mãnh liệt, tràn đây, bao trùm, xuyên suốt tác phẩm, gắn với một tư tưởng, một cách đánh giá của tác giả. Thường có những dạng cảm hứng chủ đạo như: cảm hứng anh hùng, tự hào, bi thương, trào lộng…  PHƯƠNG PHÁP ĐỌC HIỂU THỂ LOẠI THƠ TỰ DO  I. Đọc hình thức bên ngoài của thơ 1. Chú ý âm, vần, thanh, sự trùng điệp âm hưởng.  Ví dụ: “Yêu nhau, tam tứ núi cũng trèo Thập bát sông cũng lội Tứ cửu tam thập lục đèo cũng qua”  – Cách ngắt nhịp, thể LBBT, điệp âm, vần, thanh, âm hưởng trúc trắc… tác giả dân gian đã cụ thể hóa những khó khăn, trắc trở mà đôi trai gái phải vượt qua khi đi theo tiếng gọi của tình yêu.  2. Câu thơ, thể thơ  – Chú ý những câu thơ mang tư tưởng tác giả, câu thơ nhấn mạnh, có nội dung quan trọng.  – Thể thơ: mỗi thể thơ có một cách gieo vần, ngắt nhịp riêng. Cần nắm được quy luật của nó mới có thể đọc hay được.  + Thể thơ truyền thống: Lục bát Lục bát biến thể Song thất lục bát Thất ngôn  + Thơ hiện đại: Thơ 8 chữ Thơ tự do Thơ 7 chữ Thơ văn xuôi.  II. Đọc hiểu nội dung ý nghĩa vầ catm nhận được cái hay của thơ .  1. Đọc và cảm nhận được hình tượng ngôn ngữ trong tác phẩm..  – Bao gồm biểu tượng, hình ảnh, nhịp điệu, nhạc điệu, tu từ, ẩn dụ, mỉa mai… Ví dụ: “Em tưởng nước giếng sâu Em nối sợi gầu dài Ai ngờ giếng cạn Em tiếc hoài sợi dây” .  2. Đọc và phát hiện ý ngoài lời thơ, sự nhảy vọt, tỉnh lược của ý thơ, dùng trí tưởng tượng để khôi phục hoàn chỉnh về đời sống cảm xúc trong bài thơ. Ví dụ: “Ra thế! Lượm ơi!” “Khen ai khéo vẽ trò vui thế Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu” Có sự đột biến, nhảy vọt trong cảm xúc – thái độ mỉa mai, giễu cợt, đả kích sâu cay.  3. Thấy được giọng điệu, ý vị của thơ: vui, buồn, trang trọng, mỉa mai, thương tiếc…  4. Tìm hiểu ngữ cảnh, chủ thể trữ tình của thơ. Cần nắm sự thay đổi trạng thái tâm hồn nhà thơ, trạng thái đó đã sản sinh ra các hình tượng thơ. |

**PHIẾU BÀI TẬP TRĂC NGHIỆM CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI THƠ TỰ DO.ặc tg thể loại**

**Câu 1. Thơ là:**

1. Sáng tác văn học có vần điệu để diễn tả cảm xúc của con người đối với những hiện tượng, vấn đề xảy ra trong cuộc sống.
2. Sáng tác có vần điệu để phản ánh những mâu thuẫn, xung đột trong xã hội.
3. Sáng tác văn học có vần điệu để diễn tả những kinh nghiệm sống.
4. Sáng tác có vần điệu để diễn tả những lát cắt, những sự kiện quan trọng trong cuộc đời con người và của xã hội.

**Câu 2. Đặc điểm cấu trúc cơ bản của văn bản thơ:**

1. Mỗi bài thơ là một cấu trúc ngôn ngữ đặc biệt và tự do tuyệt đối.
2. Mỗi bài thơ là một cấu trúc ngôn ngữ đặc biệt và thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định.
3. Bài thơ được cấu trúc theo trình tự cảm xúc của nhân vật trữ tình.
4. Bài thơ được cấu trúc theo trình tự thời gian và không gian.

**Câu 3. Thơ có khả năng thể hiện:**

1. Cách tính cách, nhân cách khác nhau của con người.
2. Những biến động phức tạp/thăng trầm của đời sống xã hội.
3. Thế giới nội tâm, từ các cung bậc của tình cảm cho tới những chính kiến, những tư tưởng triết học.
4. Những ước mơ về khoa học kỹ thuật của con người.

**Câu 4. Yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ là:**

1. Là phương tiện để nhà thơ kể về cuộc đời mình.
2. Là phương tiện để nhà thơ tái hiện chân thực sinh động cuộc sống.
3. Là phương tiện để nhà thơ ngược dòng trở về với cội nguồn cảm xúc.
4. Là phương tiện để nhà thơ bày tỏ tình cảm, cảm xúc và suy tư của mình.

**Câu 5. Nhân vật trữ tình là:**

1. Người trực tiếp bộc lộ những suy nghĩ và cảm xúc trong bài thơ.
2. Người hiện lên rõ nét nhất trong bài thơ.
3. Người thể hiện quan niệm, cách nhìn, suy nghĩ, cảm xúc.
4. Cả a & c.

**Câu 6. Dòng nào nói lên đặc điểm của tình cảm, cảm xúc trong văn bản thơ?**

1. Ngôn từ trong của thơ có hồn, lung linh, dễ thấm vào lòng người đọc.
2. Đối tượng trữ tình, trong tác phẩm trữ tình là đối tượng để nhà thơ giãi bày tình cảm, cảm xúc, suy tư.
3. Tình cảm trong thơ phong phú, với nhiều cung bậc cảm xúc, mang tới sức sống cho những vần thơ.
4. Phản ánh thế giới tình cảm phức tạp của con người.

**Câu 7. Đối tượng trữ tình trong thơ là:**

1. Đối tượng để nhà thơ giãi bày tình cảm, cảm xúc, suy tư.
2. Nguyên nhân trực tiếp khêu gợi nguồn cảm hứng sáng tác.
3. Người trực tiếp thổ lộ những suy nghĩ và cảm xúc trong bài thơ.
4. Cả a & b.

**Câu 8. Ngôn ngữ thơ có đặc điểm:**

1. Tràn đầy cảm xúc.
2. Hàm xúc, giàu hình ảnh nhạc điệu.
3. Thể hiện phong cách người viết.
4. Cầu kỳ, sáng tạo, đậm dấu ấn cá nhân.

**Câu 9. Nhạc tính trong thơ được tạo nên từ:**

1. Thanh điệu phong phú của tiếng Việt.
2. Nhiều yếu tố như nhịp điệu, cách gieo vần, phối thanh.
3. Hiệp vần đa dạng.
4. Âm hưởng của dòng thơ.

**Câu 10. Tính hàm súc của ngôn ngữ thơ được hiểu là:**

1. Khả năng miêu tả cuộc sống thần kỳ nhất.
2. Hàm súc cũng có nghĩa là phải chính xác, giàu hình tượng, có tính truyền cảm và thể hiện cá tính của người nghệ sĩ.
3. Khả năng của ngôn ngữ có thể miêu tả cuộc sống, thể hiện cảm xúc một cách cô đọng, ít lời mà nói được nhiều ý/ ý tại ngôn ngoại.
4. Cả b & c.

**Câu 11. Dòng nào không nói lên căn cứ để xác định một văn bản thơ?**

1. Về hình thức: số tiếng trong một dòng thơ, số khổ, có vần, nhịp hài hòa…
2. Về nội dung: giãi bày, bộc lộ cảm xúc.
3. Về nhân vật : không hiện diện bằng diện mạo, lai lịch mà bằng cảm xúc, tâm trạng, ước mơ hoặc khát khao…
4. Về nghệ thuật kể chuyện.

**Câu 12. “Ý tại ngôn ngoại” trong thơ được hiểu như thế nào?**

1. Lời ít, ý nhiều, chứa đựng và gợi ra ý ở ngoài lời, lời hết mà ý chưa hết…
2. Nói được những điều ngoài tác phẩm.
3. Nói được những điều không ai nghĩ tới.
4. Tất cả các ý trên.

**Câu 13. Yếu tố nào tạo nên “ý tại ngôn ngoại” trong thơ?**

1. Dấu chấm lửng.
2. Ngôn ngữ thơ hàm súc, hình ảnh thơ đa nghĩa, giàu sức gợi…
3. Câu hỏi tu từ.
4. Câu đặc biệt.

**Câu 14. Thơ tự do được hiểu là:**

1. Không bị ràng buộc vào các quy tắc nhất định về số câu.
2. Không bị ràng buộc vào các quy tắc nhất định về số khổ.
3. Không nhất thiết phải có vần.
4. Không bị ràng buộc vào các quy tắc nhất định về số câu, số chữ, niêm, đối,… Nhưng có phân dòng, có nhịp điệu, có thể có vần.

**Câu 15. Những yếu tố nào sau đây ít xuất hiện trong tác phẩm thơ trữ tình?**

1. Hình ảnh.
2. Nhịp.
3. Tính cách.
4. Vần.

**Câu 16. Dòng nào nói lên sự biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong thơ ?**

1. Luôn vận động từ rung động trực tiếp đến chiều sâu của nhận thức bởi sự kết hợp giữa cảm xúc và suy nghĩ.
2. Luôn đồng nhất, tĩnh tại.
3. Luôn thể hiện trong sự kết hợp giữa cảm xúc và suy nghĩ.
4. Luôn thể hiện gián tiếp qua mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình.

**Câu 17. Khi đọc hiểu văn bản thơ, học sinh cần coi trọng khâu nào đầu tiên?**

1. Tác giả và hoàn cảnh sáng tác.
2. Đọc trực tiếp văn bản.
3. Tìm nội dung của từng phần.
4. Tìm mạch cảm xúc của văn bản.

**Câu 18. Mạch cảm xúc trong bài thơ được hiểu là:**

1. Bố cục bài thơ.
2. Trình tự trong khổ thơ.
3. Trình tự triển khai bài thơ.
4. Cách sắp xếp từ ngữ trong dòng thơ.

## ****Gợi ý trả lời:****

**Câu 1. A**Sáng tác văn học có vần điệu để diễn tả cảm xúc của con người đối với những hiện tượng, vấn đề xảy ra trong cuộc sống.

**Câu 2. B**Mỗi bài thơ là một cấu trúc ngôn ngữ đặc biệt và thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định.

**Câu 3. C**Thế giới nội tâm, từ các cung bậc của tình cảm cho tới những chính kiến, những tư tưởng triết học.

**Câu 4. D**Là phương tiện để nhà thơ bày tỏ tình cảm, cảm xúc và suy tư của mình.

**Câu 5. D**Cả a & c.

**Câu 6. C**Tình cảm trong thơ phong phú, với nhiều cung bậc cảm xúc, mang tới sức sống cho những vần thơ.

**Câu 7. D**Cả a & b.

**Câu 8. B**Hàm xúc, giàu hình ảnh nhạc điệu.

**Câu 9. B**Nhiều yếu tố như nhịp điệu, cách gieo vần, phối thanh.

**Câu 10. D**Cả b & c.

**Câu 11. D**Về nghệ thuật kể chuyện.

**Câu 12. A**Lời ít, ý nhiều, chứa đựng và gợi ra ý ở ngoài lời, lời hết mà ý chưa hết…

**Câu 13. B**Ngôn ngữ thơ hàm súc, hình ảnh thơ đa nghĩa, giàu sức gợi…

**Câu 14. D**Không bị ràng buộc vào các quy tắc nhất định về số câu, số chữ, niêm, đối,… Nhưng có phân dòng, có nhịp điệu, có thể có vần.

**Câu 15. C**Tính cách.

**Câu 16. A**Luôn vận động từ rung động trực tiếp đến chiều sâu của nhận thức bởi sự kết hợp giữa cảm xúc và suy nghĩ.

**Câu 17. B.**Đọc trực tiếp văn bản.

**Câu 18. C.**Trình tự triển khai bài thơ.

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ TỰ DO**

* **Mục đích, yêu cầu của việc rèn luyện kĩ năng đọc**

**+ HS biết đọc diễn cảm; xác định được những yêu cầu chung của việc rèn luyện kĩ năng đọc – hiểu văn bản.**

**+ Tìm được cách đọc phù hợp: Các hình thức đọc thành tiếng và đọc thầm….**

**+ Biết cách trình bày, nhận xét và thực hiện kĩ năng đọc có hiệu quả.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản thơ bằng các phương pháp khác nhau.  - HS lần lượt đọc diễn cảm bài thơ theo chỉ định của GV.  - GV phát phiếu học tập và yêu cầu hs xác định đúng vấn đề cần giải quyết.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - GV toeeps tục phát vấn các câu hỏi nhận diện đặc trưng thể loại.  **Câu hỏi:**  - Em hãy nêu cách hiểu của mình về thể loại thơ tự do và những nét đặc trưng của thể thơ khi tìm hiểu bài thơ này?  - Bằng những tri thức đã có, em hãy thực hiện các yêu cầu của đề bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực thực hiện và phản hồi đáp án.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét**  - GV khích lệ, động viên.  - Cho điểm đánh giá HS. | **II/ THỰC HÀNH VẬN DỤNG KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN.**  **1/ SẢN PHẨM ĐỌC CỦA HS.**  **2/ BÀI TẬP HS THỰC HÀNH THEO YÊU CẦU CỦA GV.** |

**ÔN TẬP VĂN BẢN 1: ĐỒNG CHÍ**

**( CHÍNH HỮU)**



**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ TỰ DO QUA VĂN BẢN ĐỒNG CHÍ**

* **Mục tiêu:** HS nhận biết được một số yếu tố của thể thơ tự do như: thể thơ, nghệ thuật, nhân vật trữ tình và ngôn ngữ thơ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện**   **Nhiệm vụ 1:** GV yêu cầu hs đọc tái hiện lại văn bản  - GV tổ chức cho HS đọc thơ  - GV nhận xét và kết luận.  **Nhiệm vụ 2: GV yêu cầu hs giới thiệu đôi nét về tác giả.**  - HS trả lời, nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và kết luận.  **Nhiệm vụ 3:** GV tổ chức thảo luận để tìm ra các đặc trưng của thể loại thơ tự do qua văn bản.  - GV đặt câu hỏi:  **Nhiệm vụ 4:** GV tổ chức cho HS làm phiếu bài tập trắc nghiệm để khắc sâu kiến thức nội dung và thể loại cuả bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét** | **I.TRI THỨC NGỮ VĂN CẦN NHỚ**  1. Tác giả: Chính Hữu  2. Tác phẩm  Thể thơ, bố cục  – Thể thơ tự do, có 20 dòng  – Bố cục: ba đoạn  Đoạn 1 (bảy câu thơ đầu): Lí giải về cơ sở hình thành nên tình đồng chí.  Đoạn 2 (mười câu thơ tiếp): Những biểu hiện của tình đông chí và sức mạnh của nó.  Đoạn 3 (ba câu cuối): Biểu hiện cao đẹp nhất của tình đồng chí.  Đặc điểm nội dung, nghệ thuật  – Bài thơ ca ngợi vè đẹp của tình đồng chí, đồng đội và hình ảnh người lính cách mạng.  – Bài thơ có hình ảnh chân thực, cụ thể mà giàu sức khái quát, cô đọng, hàm súc, giàu sức biểu cảm.  Lời thơ giàu chất tạo hình,  giàu nhạc điệu.  Thơ thơ tự do giúp diễn tả hiện thực và cảm xúc một cách linh hoạt. Bài thơ đã góp phần mở ra phương hướng khai thác chất thơ, vẻ đẹp của người lính trong cái bình dị, bình thường, chân thật. |

**PHIẾU BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM VĂN BẢN ĐỒNG CHÍ**

**Câu 1:** Bài thơ Đồng chí được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

**A.** 1947 sau chiến dịch Việt Bắc- thu đông

**B.** 1948 sau chiến dịch Việt Bắc- thu đông

**C.** 1949 sau chiến dịch Việt Bắc – thu đông

**D.** 1950 sau chiến dịch Việt Bắc- thu đông

**Chọn đáp án:**A

**Câu 2:** Bài thơ Đồng chí có bố cục gồm mấy phần?

**A.** Gồm 3 phần

**B.** Gồm 4 phần

**C.** Gồm 5 phần

**D.** Gồm 6 phần

**Chọn đáp án:**A

**Giải thích:**Bài thơ Đồng chí gồm 3 phần: Cơ sở hình thành tình đồng chí, biểu hiện của tình đồng chí, Biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí

**Câu 3:** Cơ sở hình thành tình đồng chí?

**A.** Từ những người chung nguồn gốc, xuất thân từ các miền quê

**B.** Những người có chung lý tưởng, chí hướng

**C.** Những người cùng sống trong cảnh nghèo khó

**D.** Cả ba đáp án trên

**Chọn đáp án:**D

**Câu 4:** Câu thơ “Đồng chí!” là câu gì?

**A.** Câu đặc biệt

**B.** Câu rút gọn

**C.** Câu đơn

**D.** Câu ghép

**Chọn đáp án:**A

**Câu 5:** Câu thơ “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” sử dụng biện pháp tu từ nào?

**A.** Nhân hóa và hoán dụ

**B.** Nhân hóa và ẩn dụ

**C.** Ẩn dụ và hoán dụ

**D.** Không sử dụng biện pháp tu từ nào cả

**Chọn đáp án:**A

**Giải thích:**Nhân hóa: giếng nước “nhớ”, hoán dụ: Dùng bộ phận để gọi cái cụ thể (giếng nước, gốc đa để nói về quê hương)

**Câu 6:** Chính Hữu khai thác đề tài đó ở khía cạnh nào là chủ yếu?

**A.** Cảm hứng lãng mạn anh hùng với những hình ảnh ước lệ mang dáng dấp tráng sĩ

**B.** Vẻ đẹp và chất thơ trong những sự việc và con người giản dị, bình thường

**C.** Cảm hứng về một hiện thực vô cùng khắc nghiệt của chiến tranh, cứu nước

**D.** Vẻ đẹp của những miền quê đã gắn bó với những người lính trong chiến đấu

**Chọn đáp án:**A

**Câu 7:** Nội dung chính của các câu thơ sau là gì?

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

**A.** Miêu tả các vùng đất khác nhau của đất nước ta

**B.** Nói lên sự khắc nghiệt của thiên nhiên ta

**C.** Nói lên sự đối lập giữa các vùng miền của đất nước ta

**D.** Nói lên hoàn cảnh xuất thân của những người lính

**Chọn đáp án:**D

**Câu 8:** Nhận định nào đúng nhất nội dung chính của các câu thơ sau?

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

**A.** Nỗi nhớ và sự hồi tưởng của người lính về quê hương

**B.** Nỗi nhớ của quê hương đối với những người ra lính

**C.** Sự khó khăn vất vả của gia đình những người lính

**D.** Cả A và B đều đúng

**Chọn đáp án:**D

**Câu 9:** Tình đồng chí được thể hiện rõ nhất trong 3 câu thơ trên là gì?

**A.** Sự cảm thông sâu sắc những tâm tư nỗi lòng của nhau

**B.** Sự hiểu biết sâu sắc về quê hương của nhau

**C.** Sự hiểu biết sâu sắc vè gia đình, người thân của nhau

**D.** Sự chia sẻ sâu sắc những khó khăn của cuộc sống chiến đấu

**Chọn đáp án:**A

**Câu 10:** Từ “mặc kệ” có nghĩa là gì?

**A.** Biểu thị quan hệ trái ngược điều kiện và sự việc xảy ra

**B.** Điều vừa được nói đến không có tác động gì làm thay đổi việc sắp xếp xảy ra

**C.** Để cho tùy ý, không để ý đến, không có sự can thiệp nào.

**D.** Một cách nói không rõ ra bằng lời, mà hiểu ngầm với nhau như vậy

**Chọn đáp án:**A

**Câu 11:** Những câu thơ sau đây được viết theo phương thức biểu đạt nào?

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo

**A.** Tự sự và nghị luận

**B.** Nghị luận và miêu tả

**C.** Miêu tả và tự sự

**D.** Thuyết minh và tự sự

**Chọn đáp án:**C

**Câu 12:** Hình ảnh đầu súng trăng treo có ý nghĩa tả thực hay biểu tượng?

**A.** Tả thực

**B.** Biểu tượng

**C.** Vừa tả thực, vừa biểu tượng

**D.** Cả A, B, C đều sai

**Chọn đáp án:**C

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU BÀI ĐỒNG CHÍ**

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**

“Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

 Đầu súng trăng treo.”

(Theo SGK Ngữ Văn 9, tập I, NXB Giáo dục Việt Nam)

### ****Câu hỏi****

**Câu 1**. Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Do ai sáng tác?

**Câu**2. Trình bày hoàn cảnh ra đời của văn bản ấy.

**Câu 3.**Trong câu thơ “Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”, vì sao tác giả lại dùng từ “chờ” mà không dùng từ “đợi”?

**Câu 4.** Hình ảnh “đầu súng trăng treo” cho thấy cảm xúc gì được thể hiện trong bài thơ? Qua đó em hiểu thêm gì về tâm hồn của những người lính trong kháng chiến chống Pháp?

**Câu 5:** Hãy ghi lại tên một tác phẩm đã học (ghi rõ tên tác giả) sáng tác cùng năm với bài thơ Đồng chí.  
**Câu 6:** Về câu thơ cuối của bài thơ, tác giả kể rằng lúc đầu ông viết là “Đầu súng mảnh trăng treo”, sau đó bớt đi một chữ. Chữ nào trong câu thơ đã được bớt đi? Theo em, vì sao tác giả lại bớt đi như vậy?

**Câu 7.**Nêu ngắn gọn vẻ đẹp của người lính trong đoạn thơ trên bằng một đoạn văn ( từ 8-10 câu).

**GỢI Ý:**

1 Đoạn thơ trên trích trong bài thơ “Đồng chí”của tác giả Chính Hữu.

1. Hoàn cảnh ra đời: Bài thơ Đồng chí được nhà thơ Chính Hữu sáng tác năm 1948, sau khi tác giả đã cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc, in trong tập thơ Đầu súng trăng treo.

3.– Đối diện cảnh núi rừng lạnh lẽo và hoang vu và hoàn cảnh chiến đấu nguy hiểm, những người lính cùng sát cánh bên cạnh nhau.

+ Nhiệm vụ canh gác, đối mặt với hiểm nguy trong gang tấc cũng chính nơi đó sự sống cái chết cách nhau trong gang tấc.

+ Trong hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm tình đồng đội thực sự thiêng liêng, cao đẹp

– Tâm thế chủ động, sẵn sàng “chờ giặc tới” thật hào hùng:

+ Những người lính sát cánh bên nhau vững chãi làm mờ đi khó khăn, nguy hiểm trực chờ phía trước của cuộc kháng chiến gian khổ.

→ Ca ngợi tình đồng chí, sức mạnh đồng đội giúp người lính vượt lên khắc nghiệt về thời tiết và nỗi nguy hiểm trên trận tuyến.

1. Hình ảnh “đầu súng trăng treo” là hình ảnh độc đáo, bất ngờ, cũng chính là điểm nhấn của toàn bài thơ.

+ Hình ảnh thực và lãng mạn.

+ Súng là hình ảnh đại diện cho chiến tranh, khói lửa.

+ Trăng là hình ảnh của thiên nhiên trong mát, thanh bình.

– Sự hòa hợp giữa trăng với súng tạo nên vẻ đẹp tâm hồn của người lính và đồng đội , nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc.

→ Câu thơ như nhãn tự của toàn bài thơ, vừa mang tính hiện thực, vừa mang sắc thái lãng mạn, là một biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí.

5.Tác phẩm: “Làng”

– Tác giả: Kim Lân

1. Chữ được bớt: “mảnh”  
   – Tác giả bớt chữ “mảnh” bởi câu thơ “Đầu súng trăng treo” vẫn gợi được hình ảnh vầng trăng treo trên đầu mũi súng. Hơn nữa, khi bớt đi một chữ, câu thơ trở nên gọn, chắc, giàu nhịp điệu. Bốn chữ này có nhịp điệu như nhịp lắc của một cái gì lơ lửng, chông chênh, góp phần diễn tả sinh động hình ảnh vầng trăng như treo lơ lửng trên đầu mũi súng.  
   7. **– Yêu cầu về nội dung**:

Đảm bảo nội dung sau:

+ Bức tranh đẹp về tình đồng chí

+ Biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ

Ba câu thơ trên được trích trong văn bản “ Đồng chí” của tác giả Chính Hữu đã rất thành công trong việc miêu tả biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ, về tình đồng chí. Hai người lính luôn kề vai sát cánh bên nhau, sưởi ấm lòng nhau, xua đi cái rét ở chiến tranh Việt Bắc. dù thời tiết có khắc nghiệt đến đâu họ luôn trong tư thế sẵn sàng chờ giặc tới. Trong đêm phục kích, vầng trăng trên đầu trở thành người làm chứng cho tình đồng chí trong các anh. Trong lúc chờ giặc tới, trong không khí căng thẳng của giờ phút xuất kích sắp đến họ vẫn tràn đầy một tâm hồn lãng mạn, họ đã nhận ra “ đầu súng trăng treo”. Câu thơ vừa có nghĩa tả thực, vừa giàu nghĩa tượng trưng: súng và trăng vốn là hai sự vật rất xa nhau nhưng trong con mắt người chiến sĩ chúng lại rất gần nhau. Súng và trăng là gần  và xa, là thực và mộng, là chiến tranh và hòa bình là chiến sĩ và thi sĩ. Hình ảnh thơ khép laị đã trở thành một biểu tượng đẹp của người chiến sĩ cách mạng với sự đan cài: cuộc sống chiến đấu của họ dù khó khăn, gian khổ nhưng trong họ tràn đầy sự lãng mạn. Hình tượng đó trở thành nền thơ ca cách mạng Việt Nam - cảm hứng hiện thực - lãng mạn. Ôi, yêu biết mấy những người lính cụ Hồ!

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**

“Quê hương anh nước mặn đồng chua  
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá  
Anh với tôi đôi người xa lạ  
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.  
Súng bên súng, đầu sát bên đầu  
Đên rét chung chăn thành đôi tri kỷ  
Đồng chí!”

(Chính Hữu, Đồng chí)

### ****Câu hỏi****

1. Nêu nội dung chính của đoạn thơ và hoàn cảnh sáng tác bài thơ?
2. Ghi lại một câu thành ngữ có trong đoạn thơ trên? Giải thích câu thành ngữ đó?
3. Câu thơ Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ này?
4. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng ở câu thơ Súng bên súng, đầu sát bên đầu. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?
5. Giải thích cụm từ “đôi tri kỉ”. Chép chính xác một câu thơ trong một bài thơ đã học có từ “tri kỉ”. Ghi rõ tên tác giả và tên văn bản. Chỉ ra điểm giống và khác nhau của từ “tri kỉ” trong hai câu thơ đó.
6. Chỉ ra cấu trúc song đôi được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của cấu trúc câu đó đến việc thể hiện nội dung của đoạn?
7. Xét theo cấu tạo ngữ pháp, câu thơ cuối đoạn thuộc kiểu câu gì? Nêu ngắn gọn tác dụng của việc sử dụng kiểu câu đó trong văn cảnh.
8. Viết một đoạn văn diễn dịch (10 câu) nêu cảm nhận của em về tình đồng chí của những người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp được thể hiện trong đoạn thơ.

**GỢI Ý**

1. Đoạn thơ lý giải cơ sở hình thành tình đồng chí thắm thiết sâu nặng của người lính cách mạng. Bài thơ được sáng tác vào năm 1948 là năm cuộc kháng chiến hết sức gay go, quyết liệt.
2. “nước mặn, đồng chua” là câu thành ngữ để nói về những vùng đồng quê gần biển, nghèo nàn nước mặn, đồng chua như chẳng hoa màu gì có thể lên được.

“Đất cày lên sỏi đá”: nơi đồi núi, trung du, đất đá bị ong hóa, khó canh tác.

→ Hai thành ngữ này để nhằm chỉ ra sự tương đồng về cảnh ngộ, xuất thân nghèo khó là cơ sở hình thành tình đồng chí.

1. Biện pháp ẩn dụ được thể hiện qua hình ảnh “ đất cày lên sỏi đá”. Tác dụng: nhấn mạnh sự nghèo khó của “làng tôi”.
2. Biện pháp điệp ngữ và hoán dụ ở hai từ “súng, đầu”

Biện pháp điệp từ được sử dụng trong câu thơ “Súng bên súng đầu sát bên đầu” nhằm tạo nên sự đối ứng trong một câu thơ:

+ Gợi lên sự khắc nghiệt, nguy hiểm của chiến tranh (hình ảnh súng sẵn sàng chiến đấu).

+ Thể hiện sự chung sức, cùng nhau đoàn kết, chiến đấu.

1. Tri kỉ: Biết mình, đôi tri kỉ: đôi bạn thân thiết (hiểu bạn như hiểu mình)

Câu thơ trong bài “Ánh trăng: của Nguyễn Duy cũng có từ “tri kỉ”:  
“hồi chiến tranh ở rừng  
vầng trăng thành tri kỉ”  
– Từ “tri kỉ” trong hai câu thơ cùng có nghĩa chỉ đôi bạn thân thiết, hiểu nhau. Nhưng trong mỗi trường hợp cụ thể, nét nghĩa có khác: ở câu thơ của Chính Hữu, “tri kỉ” chỉ tình bạn giữa người với người. Còn ở câu thơ của Nguyễn Duy, “tri kỉ” lại chỉ tình bạn giữa trăng với người.

1. Xét về cấu tạo, câu thơ cuối có cấu tạo câu đặc biệt

\* tác dụng:

– về NT: tạo nhịp điệu, là bản lề khép, nó nâng cao ý thơ đoạn trước và mở ra ý thơ đoạn sau. Và dấu chấm cảm đi kèm hai tiếng ấy bỗng như chất chứa bao trìu mến yêu thương.

– về ND: giúp thể hiện ý đồ NT của nt nó vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, một lời định nghĩa về đồng chí. Thể hiện cảm xúc bị dồn nén, được thốt ra như một cao trào của cảm xúc, trở thành tiếng gọi thiết tha của tình đồng chí đồng đội.

– gợi sự thiêng liêng, sâu lắng của tình đồng chí.

1. – Mở đoạn: đạt yêu cầu hình thức và nội dung: câu chủ đề nằm đầu đv.

– Thân đoạn: Biết bám vào ngữ liệu khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật có dẫn chứng lý lẽ làm rõ cơ sở hình thành tình đồng chí keo sơn của những người lính cách mạng trong đoạn thơ.

+ Các anh cùng chung nguồn gốc xuất thân từ tầng lớp nông dân nghèo khổ.

+ Họ cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lí tưởng chiến đấu.

+ Cùng chia ngọt, sẻ bùi trong c/s đầy gian nan của người lính cách mạng.

– Kết đoạn: khái quát lại vấn đề.

## ****ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3****

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi**  
Ruộng nương anh gửi bạn thân cày  
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay  
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.  
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,  
Sốt run người, vừng trán ướt mồ hôi.

*Áo anh rách vai  
Quần tôi có vài mảnh vá  
Miệng cười buốt giá  
Chân không giày  
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!*

**Câu hỏi:**

Câu 1: Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Câu 2: Thông qua hình ảnh “miệng cười buốt giá”, “ sốt run người”, “áo rách vai” và cho em hiểu điều gì về cuộc sống của những người lính?

Câu 3: Trong đoạn thơ trên, Chính Hữu viết: Áo anh rách vai ……….Chân không giày. Ở bài thơ “Nhớ” (sáng tác cùng thời kì với bài Đồng chí), Hồng Nguyên viết: Áo vải chân không – Đi lùng giặc đánh”. Hãy cho biết những câu thơ ấy phản ánh hiện thực nào của cuộc chiến?

Câu 4: Nêu cảm nhận của em về câu thơ “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!”?

Câu 5: Đoạn thơ trên cho thấy vẻ đẹp nào của những người lính trong thời kì đầu kháng chiến chống Pháp?

Câu 6: Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là “Đồng chí”?

Câu 7: Viết đoạn văn ngắn theo phương pháp diễn dịch phân tích biểu tượng cao đẹp nhất của tình đồng chí thông qua 3 câu thơ cuối bài.

**GỢI Ý**

Câu 1. câu thơ sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ (giếng nước gốc đa – chỉ quê hương và những người thân nơi hậu phương của người lính) và nhân hóa qua từ “nhớ”. Từ đó kđ hai bp đó cho thấy nỗi nhớ của qh và của những người than yêu với người lính đồng thời người lính cũng nhớ về qh với t/c sâu nặng.

Câu 2. - Những người lính không chỉ chia sẻ nỗi nhớ nhà nói chung, nỗi nhớ quê hương mà còn là sự chia sẻ những thiếu thốn của cuộc đời người lính.

+ Họ thấu hiểu, chia sẻ cùng đối mặt, cùng chịu bệnh tật, những cơn sốt rét ghê gớm, cái lạnh nơi rừng thiêng nước độc mà hầu như người lính nào cũng phải trải qua.

+ Những người lính phải vượt qua cả sự khó khăn, thiếu thốn về vật chất thông qua cặp câu sóng đôi, đối ứng nhau trong từng cặp câu và từng cặp câu.

– Người lính bao giờ cũng nhìn và nói về bạn trước khi nói về mình, cách nói ấy thể hiện nét đẹp trong tình cảm thương người như thể thương thân, trọng người hơn trọng mình.

→ Chính tình đồng đội, đồng chí làm ấm lòng những người lính để họ vẫn cười trong buốt giá nhưng vượt lên trên buốt giá, thiếu thốn.

Câu 3. Những câu thơ của Chính Hữu và Hồng Nguyên p/a hiện thực gian khổ, thiếu thốn của cuộc k/c trong những ngày đầu.

Câu 4. Câu thơ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” thể hiện sức mạnh gắn bó sâu nặng của tình đồng chí.

+ Cử chỉ cảm động chứa chan tình cảm chân thành, sự cảm thông giữa những người lính.

+ Cái bắt tay không phải thông thường mà là những bàn tay tự tìm đến với nhau truyền cho nhau hơi ấm để cùng vượt qua giá lạnh, buốt giá.

– Phản ánh tình đồng chí sâu đậm, có chiều sâu, để đi tới chiều cao cùng sống chết cho lí tưởng.

→ Tình thương, sự đoàn kết, chia sẻ thông qua “tay nắm bàn tay”.

Câu 5. Hình ảnh người lính cụ Hồ trong thời kì kháng chiến chống Pháp:

– Xuất thân từ người nông dân nghèo, tự nguyện đến với cuộc kháng chiến chống Pháp.

– Cuộc sống gian nan, vất vả và gian khổ, thiếu thốn.

– Có sự gắn kết bền chặt tình cảm đồng chí, đồng đội, tinh thần chiến đấu.

– Trong khó khăn vẫn hiện hữu vẻ đẹp của sự sẻ chia, đoàn kết trên những gian khổ, hi sinh.

Câu 6. Đó là tên một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến. Đó là cách xưng hô phổ biến của những người lính, công nhân, cán bộ từ sau Cách mạng. Đó là biểu tượng của tình cảm cách mạng, của con người cách mạng trong thời đại mới.  
Câu 7. Nếu những câu thơ đầu tiên của Chính Hữu thể hiện cơ sở hình thành tình đồng chí tới những biểu hiện cảm động nghĩa tình của những người lính dành cho nhau thì ba câu thơ cuối chính là nhãn tự của cả bài, có sự kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn thể hiện biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí. Giữa khung cảnh lạnh lẽ, hoang vu của núi rừng Tây Bắc, những người lính đứng kề cạnh bên nhau xua đi cái lạnh nơi rừng thiêng nước độc. Chính nơi đó, ranh giới giữa sự sống và cái chết trở nên mong manh, thì những người lính càng trở nên mạnh mẽ, đoàn kết. Họ sát cánh bên nhau chủ động chờ giặc tạo nên tư thế thành đồng vách sắt trước quân thù. Hình ảnh cuối bài tỏa sáng với sự hòa kết hình ảnh súng – hình ảnh của khói lửa chiến tranh kết hợp với hình ảnh ánh trăng trong mát, thanh bình nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc. Chỉ với ba câu thơ xúc động, chân thực nhưng cũng giàu sự lãng mạn, bức tranh về tình đồng chí của người lính là biểu tượng giàu chất thơ nhất hiện lên thật cao đẹp, ngời sáng.

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: LÁ ĐỎ**

**(NGUYỄN ĐÌNH THI)**



**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI THƠ TỰ DO QUA VĂN BẢN LÁ ĐỎ**

* **Mục tiêu:** HS nhận biết được một số yếu tố của thể thơ tự do.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện**   **Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu hs đọc tái hiện lại văn bản**  - GV tổ chức cho HS đọc thơ  - GV nhận xét và kết luận.  **Nhiệm vụ 2: GV yêu cầu hs giới thiệu đôi nét về tác giả.**  - HS trả lời, nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và kết luận.  **Nhiệm vụ 3: GV tổ chức thảo luận để tìm ra các đặc trưng của thể loại thơ tự do qua văn bản.**  - GV phát phiếu bài tập .  - HS nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - HS trình bày sản phẩm phiếu bài tập.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét**  **Nhiệm vụ 4:** GV tổ chức cho HS làm phiếu bài tập trắc nghiệm để khắc sâu kiến thức nội dung và thể loại cuả bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét.** | **I.TRI THỨC NGỮ VĂN CẦN NHỚ**  **1. Tác giả: Nguyễn Đình Thi**  **2. Tác phẩm: Lá đỏ**  - Bài thơ Lá đỏ của Nguyễn Đình Thi mang ý nghĩa tái hiện cả một cuộc hành quân vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc – cuộc hành quân trên đường Trường Sơn, tiến vào Sài Gòn, giải phóng miền Nam.  - Bài thơ viết theo thể tự do. Trong 8 câu thơ có 7 câu là thể lục ngôn.  - Nhịp điệu thơ mang tính dồn dập, vững bền, chắc khoẻ.  - Yếu tố nghệ thuật chính làm nên thành công của “Lá đỏ” là hình ảnh, nhịp điệu và ngôn ngữ thơ.  - Bài thơ nêu ba hình ảnh: lá đỏ, em gái tiền  phương và đoàn quân như những tâm điểm và đặc tả, có sức khái quát cao về vẻ đẹp của đất nước con người Việt Nam.  - Ngôn ngữ thơ rất chân thực. Cuộc sống chiến trường sôi động, khắc nghiệt nhưng cũng rất trữ tình hiện lên một cách tự nhiên không một chút bóng bẩy, hào nhoáng. |

**PHIẾU BÀI TẬP ĐỌC HIỂU BÀI THƠ LÁ ĐỎ**

**Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

**Lá đỏ**

- Nguyễn Đình Thi -

*Gặp em trên cao lộng gió*

*Rừng lạ ào ào lá đỏ*

*Em đứng bên đường như quê hương*

*Vai áo bạc quàng súng trường.*

*Đoàn quân vẫn đi vội vã*

*Bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa.*

*Chào em, em gái tiền phương*

*Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn.*

*Em vẫy tay cười đôi mắt trong*.

(Trường Sơn, 12/1974)

**ĐỀ SỐ 1**

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1:** Bài thơ được ghi chú sáng tác năm 1974, hoàn cảnh lịch sử đất nước ta lúc ấy giúp em hiểu thêm điều gì về nội dung, cảm hứng chủ đạo của bài thơ?

**Câu 2:** Câu thơ “Em đứng bên đường, như quê hương” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

**Câu 3:**Hình dung và ghi lại cảm xúc của nhân vật trữ tình qua hai câu thơ “Em đứng bên đường, như quê hương – Vai áo bạc quàng súng trường”.

**Câu 4:** Từ láy “vội vã” trong câu thơ “Đoàn quân vẫn đi vội vã” có ý nghĩa gì?

**Câu 5:**Hình ảnh bụi Trường Sơn nhòa trời lửa gợi cho em suy nghĩ gì?

**Câu 6:**Dựa vào hai câu thơ cuối bài (Chào em, em gái tiền phương – Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn) hãy giải thích tại sao có thể coi bài thơ “Lá đỏ” như là dự cảm về một Việt Nam chiến thắng?

**Câu 7:**Em đã từng học hoặc đọc thêm những tác phẩm thơ văn nào viết về đề tài chiến tranh chống Mĩ cứu nước? hãy kể tên những tác phẩm ấy?

**Câu 8:**Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về vẻ đẹp của con người Việt Nam trong những năm chiến tranh gian khổ?

**Trả lời câu hỏi đọc hiểu**

**Câu 1:**

Hoàn cảnh lịch sử đất nước ta năm 1974 là giai đoạn cả nước đang chuẩn bị giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Do đó nội dung, cảm hứng chủ đạo của bài thơ là niềm tin vào sự toàn thắng của dân tộc.

**Câu 2:**

Câu thơ “Em đứng bên đường, như quê hương” sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh.

**Câu 3:**

“Em đứng bên đường, như quê hương – Vai áo bạc quàng súng trường”là một hình ảnh đẹp và ấm áp. Giữa con đường hành quân gian khổ, hình ảnh cô gái thanh niên xung phong đứng bên đường với hình ảnh giản dị, vai áo quàng súng đã xóa tan nhưng sự vất vả vừa trải qua, mang lại cảm xúc thân thương, bình dị như quê hương.

**Câu 4:**

Từ láy “vội vã” trong câu thơ “Đoàn quân vẫn đi vội vã” có nghĩa thể hiện sự vội vàng, đi liên tục mà không ngừng nghỉ của đoàn quân.

**Câu 5:**

Hình ảnh bụi Trường Sơn nhòa trời lửa gợi cho em về sự khắc nghiệt và gian lao của chiến tranh.

**Câu 6:**

Có thể coi bài thơ “Lá đỏ” như là dự cảm về một Việt Nam chiến thắng vì hai câu đó đã thể hiện một lời chào hẹn gặp lại Sài Gòn - nơi mà đoàn quân ta đang tiến về để giải phóng.

**Câu 7:**

Các tác phẩm thơ văn viết về đề tài chiến tranh chống Mĩ cứu nước: Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Dáng đứng Việt Nam….

**Câu 8:**

Bài thơ gợi cho em suy nghĩ về vẻ đẹp của con người Việt Nam trong những năm chiến tranh gian khổ là những vẻ đẹp bất khuất, kiên cường, dù gian khó nhưng vẫn luôn lạc quan, yêu đời.

**ĐỀ SỐ 2**

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1:**Dựa vào những thông tin trong tác phẩm, hãy nêu ngắn gọn hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

**Câu 2:**Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

**Câu 3:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ Em đứng bên đường như quê hương?

**Câu 4:**Chỉ ra các hình ảnh miêu tả thiên nhiên. Các hình ảnh đó tạo nên bức tranh rừng Trường Sơn như thế nào?

**Câu 5:**Không khí hành quân hào hùng, thần tốc được gợi lên qua hình ảnh nào? Từ hình ảnh này, anh/chị có thể liên tưởng đến hình ảnh nào trong một bài thơ đã học?

**Câu 6:** Hình ảnh “em gái tiền phương” được khắc họa như thế nào? Hình ảnh đó gợi lên cho anh/chị suy nghĩ gì về sự góp mặt của những người phụ nữ trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc?

**Câu 7:** Bài thơ từng được cho là có những dự cảm, dự báo về thắng lợi tất yếu của dân tộc. Theo anh/ chị điều đó được thể hiện qua câu thơ hoặc hình ảnh thơ nào?

**Câu 8:**Nêu những biểu hiện của không khí sử thi và lãng mạn được thể hiện trong bài thơ

**Trả lời câu hỏi đọc hiểu**

**Câu 1.**

Hoàn cảnh sáng tác bài thơ: tháng 12/1974. Đó là thời điểm cuộc chiến tranh chống Mĩ ở giai đoạn gấp rút. Tất cả quân và dân đang dồn sức cho tiền tuyến, tiến về Sài Gòn. Bài thơ được tác giả viết giữa rừng Trường Sơn.

**Câu 2.**

Bài thơ viết theo thể thơ tự do

**Câu 3.**

Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: so sánh (em (đứng bên đường)- quê hương)

**Câu 4.**

Các hình ảnh miêu tả thiên nhiên: đỉnh trường Sơn lộng gió, rừng lạ ào ào lá đỏ.

Các hình ảnh vẽ lên khung cảnh rừng Trường Sơn khoáng đạt, đầy ấn tượng với những vẻ đẹp lạ lùng của rừng lá đỏ, những trận mưa lá đổ ào ào trong gió...

**Câu 5.**

Không khí hành quân hào hùng thần tốc được thể hiện qua hình ảnh đoàn quân đi vội vã; bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa

Thí sinh có thể liên hệ với hình ảnh trong bài thơ khác nhau, ví dụ bài Việt Bắc (quân đi điệp điệp trùng trùng. Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan)

**Câu 6.**

Hình ảnh “em gái tiền phương”: nhỏ bé giữa rừng Trường Sơn bạt ngàn, lộng gió nhưng lại mang đến cảm giác thân thương, gần gũi vai áo bạc, quàng súng trường - như quê hương; với dáng đứng vững vàng bên đường khi làm nhiệm vụ

Hình ảnh ấy là một biểu tượng về cuộc chiến tranh nhân dân –“em gái tiền phương”, nữ chiến sĩ giao liên hay cô gái thanh niên xung phong. Sự có mặt của cô gái trên đỉnh Trường Sơn nơi tuyến đầu Tổ quốc đã nhắc với mai sau về cuộc chiến đấu toàn dân tham gia, trong đó có sự đóng góp những người con gái trẻ trung xinh đẹp mảnh mai nhưng vô cùng dũng cảm, gan dạ.

**Câu 7.**

Bài thơ từng được cho là có những dự cảm, dự báo về thắng lợi  tất yếu của dân tộc. điều đó được thể hiện qua câu thơ chào em, em gái tiền phương. Hẹn gặp nhé, giữa Sài gòn.

**Câu 8.**

Không khí sử thi: Khung cảnh cuộc hành quân hào hùng, thần tốc. Trên nền của bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, và những đoàn quân hành quân vội vã kéo dài không dứt là hình ảnh của em gái tiền phương gan dạ, dũng cảm

Cảm hứng lãng mạn: vẻ đẹp của thiên nhiên rừng Trường Sơn; vẻ đẹp của người con gái trẻ trung, tươi tắn; niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến

**ĐỀ SỐ 3**

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Nêu nội dung bài thơ.

**Câu 2.** Bài thơ được viết theo thể thơ

**Câu 3.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ: "Em đứng bên đường như quê hương

**Câu 4.** Hãy chỉ ra các hình ảnh miêu tả thiên nhiên. Các hình ảnh đó tạo nên bức tranh rừng Trường Sơn như thế nào?

**Câu 5.** Qua hình ảnh "em gái tiền phương" trong bài thơ trên, em hãy viết đoạ n văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về hình ảnh những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời kì kháng chiến chống Mỹ.

**Trả lời câu hỏi đọc hiểu**

**Câu 1.** Khung cảnh cuộc hành quân hào hùng, thần tốc,  vẻ đẹp của thiên nhiên rừng Trường Sơn; vẻ đẹp của người con gái trẻ trung, tươi tắn; niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến.

**Câu 2.** Bài thơ viết theo thể thơ tự do

**Câu 3.**

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: so sánh (em (đứng bên đường)- quê hương)

**Câu 4.**

- Các hình ảnh miêu tả thiên nhiên: đỉnh trường Sơn lộng gió, rừng lạ ào ào lá đỏ.

- Các hình ảnh vẽ lên khung cảnh rừng Trường Sơn khoáng đạt, đầy ấn tượng với những vẻ đẹp lạ lùng của rừng lá đỏ, những trận mưa lá đổ ào ào trong gió...

**Câu 5.**

Kháng chiến chống Mỹ ác liệt, không biết bao nhiêu con người đã ngã xuống. Hình ảnh những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thật đẹp và thật oai hùng. Họ không tiếc tuổi xuân, không sợ nguy hiểm mà đã ra trận. Họ ra đi với tinh thần " Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai". Sự có mặt của cô gái trên đỉnh Trường Sơn nơi tuyến đầu Tổ quốc đã nhắc với mai sau về cuộc chiến đấu toàn dân tham gia, trong đó có sự đóng góp những người con gái trẻ trung xinh đẹp mảnh mai nhưng vô cùng dũng cảm, gan dạ. Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn đó nhưng những cô gái ấy vẫn trung kiên không sợ gì hết, những lúc nghỉ ngơi họ vẫn không ngới tiếng cười vang.

**ĐỀ SỐ 4**

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

**Câu 2.** Hình ảnh so sánh: “Em đứng bên đường như quê hương Vai áo bạc quàng súng trường” gợi lên vẻ đẹp nào của nhân vật “em”?

**Câu 3.** Sức gợi của hình ảnh “Rừng lạ ào ào lá đỏ” và “Bụi Trường Sơn nhoà trời ta”?

**Câu 4.** Anh/ Chị có nhận xét gì về hai câu thơ cuối bài?

**Trả lời câu hỏi đọc hiểu**

**Câu 1.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là cô gái (em gái tiền phương).

**Câu 2.** Hình ảnh so sánh “Em đứng bên đường như quê hương Vai áo bạc quàng súng trường” gợi lên vẻ đẹp gần gũi, thân thương, vừa mộc mạc, tao tần vừa kiên cường, rắn roi,… của người con gái tiền phương.

**Câu 3.** Hình ảnh “Rừng lạ ào ào lá đỏ” và “Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa” gợi tả không gian của cuộc gặp gỡ giữa anh lính Trường Sơn và cô gái tiên phương: không gian núi rừng vừa hiện thực vừa lãng mạn; vừa trữ tình, thơ mộng (giữa mùa thu của đại ngàn Trường Sơn, lá rừng rụng ào ạt, đỏ rực) vừa hào hùng, dữ dội (lửa bụi chiến tranh bay nhoà trời),…

**Câu 4.** Hai câu thơ cuối bài là lời chào, cũng là lời ước hẹn tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng và hi vọng vào ngày chiến thắng của người lính Trường Sơn.

**HƯỚNG DẪN HS LUYỆN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

**VĂN BẢN 1: LÍNH ĐẢO HÁT TÌNH CA TRÊN ĐẢO**

**– TRẦN ĐĂNG KHOA -**



**ĐỀ SỐ 1:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

”Người yêu chúng anh ơi, các em ở phương nào?  
Tóc em ngắn hay dài có trời mà biết được  
Những bóng dáng nào sẽ đến với chúng anh  
Trông bốn phía chỉ âm u mây nước

Nào hát lên cho mây nước biết  
Rằng chúng ta là những con người  
Yêu em thủy chung hơn muối mặn  
Dù thư tình chưa biết gửi cho ai  
  
Nào hát lên cho đêm tối biết  
Rằng tình yêu sáng trong ngực ta đây  
Ta đứng vững trên đảo xa sóng gió  
Tổ quốc Việt Nam bắt đầu ở nơi này.”

(Trích Lính đảo hát tình ca trên đảo, Trần Đăng Khoa, Tuyển thơ, NXB Văn học, Hà Nội, 2016)

**Câu 1**: Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

1. Thơ lục bát

B. Thơ thất ngôn

C. Thơ tự do

D. Thơ thất ngôn bát cú

**Câu 2:**Nhân vật trữ tình trong đoạn trích là ai?

1. Những người lính đảo
2. Người yêu của những người lính
3. Tổ quốc
4. Tác giả

**Câu 3:**Câu thơ “Người yêu chúng anh ơi, các em ở phương nào?” thể hiện cảm xúc gì?

1. Nhớ nhung da diết

B. Luyến tiếc, ngậm ngùi

C. Khát khao, mong đợi

D. Rung động, xao xuyến.

**Câu 5:**Các câu thơ “Nào hát lên cho mây nước biết/ Rằng chúng ta là những con người”, “Nào hát lên cho đêm tối biết/ Rằng tình yêu sáng trong ngực ta đây” sử dụng biện pháp tu từ nào?

1. Phép thế
2. Phép điệp
3. Phép ẩn dụ
4. Phép nhân hóa

**Câu 6:** Hình ảnh muối trong ca dao sau đây tương đồng với hình ảnh muối trong câu thơ: “Yêu em thủy chung hơn muối mặn”?

A. Ngày phơi muối trắng đầy trời

Đêm nằm nghe xót lòng người năm canh

1. Trời xanh muối trắng cát vàng

Thứ gì cũng đẹp riêng nàng lầm than

1. Mặn mà muối biển Sa Huỳnh

Ngọt đường Quảng Ngãi thắm tình quê ta

1. Muối mặn ba năm còn mặn

Gừng cay chín tháng còn cay

Dù ai xuyên tạc lá lay

Sắt son nguyện giữ lòng này thủy chung.

**Câu 7**: Hai khổ thơ cuối thuộc phần nào trong bản tình ca của người lính?

1. Phần mở đầu
2. Phần kết thúc
3. Phần cao trào
4. Phần lời dẫn

**Câu 8**: Đáp án nào **không chính xác** khi nói về ngôn ngữ của bài thơ?

1. Giản dị, trong sáng
2. Đậm tính khẩu ngữ
3. Thiết tha, tình cảm
4. Nghiêm trang, bác học

**Câu 9**: Kể tên một số tác phẩm thơ ngoài chương trình SGK Ngữ văn 10 cùng viết về đề tài người lính.

**Câu 10**: Đoạn trích đã thể hiện những vẻ đẹp tâm hồn nào của người lính đảo?

**Đáp án Đề Đọc - hiểu “Lính đảo hát tình ca trên đảo”**

**Câu 1:**C (0,5đ)

**Câu 2:** A (0,5đ)

**Câu 3:** C (0,5đ)

**Câu 4:**B (0,5đ)

**Câu 5:**B (0,5đ)

**Câu 6:** D (0,5đ)

**Câu 7:**C (0,5đ)

**Câu 8:**D (0,5đ)

**Câu 9** (1đ):

**\* Lưu ý:**Học sinh có thể kể tên các tác phẩm tự chọn (có thể chọn các tác phẩm trong chương trình học THCS) miễn là hợp lí, thuyết phục, đúng đề tài.

**Câu 10:** (1đ)

Vẻ đẹp tâm hồn người lính được thể hiện qua đoạn trích: khao khát hạnh phúc, son sắt thủy chung, yêu đất nước, giàu tinh thần trách nhiệm, kiên cường, dũng cảm. Tâm hồn người lính hòa quyện giữa tình yêu riêng tư, hạnh phúc lứa đôi và tình yêu Tổ quốc cao cả.

**NGỮ LIỆU 2:**

**ĐẤT NƯỚC Ở TRONG TIM – CHU NGỌC THANH**

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

Đất nước mình bé nhỏ vậy thôi em  
Nhưng làm được những điều phi thường lắm  
Bởi hai tiếng nhân văn được cất vào sâu thẳm  
Bởi vẫn giữ vẹn nguyên hai tiếng đồng bào.

Em thấy không? Trong nỗi nhọc nhằn, vất vả, gian lao  
Khi dịch bệnh hiểm nguy đang ngày càng lan rộng  
Cả đất nước mình cùng đồng hành ra trận  
Trên dưới một lòng chống dịch thoát nguy.

(Trích "Đất nước ở trong tim" - Chu Ngọc Thanh)

**Câu**1 (0,5 điểm): Xác định thể thơ của đoạn thơ trên?

**Câu 2** (0,5 điểm): Đoạn thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

**Câu 3**(1,0 điểm): Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ nhất. Hiệu quả của biện pháp tu từ đó?

**Câu**4 (1,0 điểm): Nêu nội dung chính của đoạn thơ. Từ nội dung đó đã chạm vào miền cảm xúc nào trong em về đất nước?

**Gợi ý**

**Câu 1** (0,5 điểm):

Thể thơ của đoạn thơ: tự do.

**Câu 2** (0,5 điểm):

Đoạn thơ trên sử dụng phương thức biểu đạt chính là biểu cảm.

**Câu 3** (1,0 điểm):

Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối của khổ thơ thứ nhất là biện pháp điệp từ.

Tác dụng: vừa nhấn mạnh, vừa gợi cho cảm xúc của người đọc vào lý do rằng trong con người Việt Nam vẫn luôn tồn tại "nhân văn", "đồng bào" nên dù nước ta có nhỏ bé thật đấy nhưng vẫn làm nên được những điều phi thường.

**Câu 4**(1,0 điểm):

Nội dung chính của đoạn thơ: Ca ngợi, niềm tự hào, xúc động của tác giả trước sự đoàn kết của cả nước trước đại dịch.

(Các em tự nêu suy nghĩ và nêu cảm xúc của mình. Gợi ý: miền cảm xúc được chạm tới là sự tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, khí thế hừng hực trong việc phòng chống dịch bệnh).

**NGỮ LIỆU 3: XUÂN VỀ ( NGHUYỄN BÍNH)**

*Đã thấy xuân về với gió đông,*

*Với trên màu má gái chưa chồng.*

*Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm*

*Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.*

*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,*

*Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.*

*Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?*

*Gió về từng trận, gió bay đi…*

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,*

*Lúa thì con gái mượt như nhung*

*Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,*

*Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.*

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,*

*Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.*

*Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,*

*Tay lần tràng hạt miệng nam vô.*

*(Theo Xuân về - Nguyễn Bính, 1937)*

**Câu 1.**Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

A. Nghị luận. B. Tự sự. **C. Miêu tả.**  D. Biểu cảm.

**Câu 2.** Xác định thể thơ của văn bản trên.

A. Tự do. B. Thất ngôn. C. Thơ mới. **D. Bảy chữ.**

**Câu 3.** Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ:

*“Lúa thì con gái mượt như nhung”.*

A**. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.**

B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.

C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.

D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

**Câu 4.**Cảm xúc của tác giả trong câu thơ: *“Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?”* là:

A. Bồi hồi, xúc động. B. Buồn thương, nuối tiếc.

C. Lưu luyến, vấn vương. **D. Ngỡ ngàng, vui sướng.**

**Câu 5.** Cho biết nội dung chính của bài thơ?

**A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.**

B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.

C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.

D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

**Câu 6.** Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong”.

A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.

B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.

C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.

**D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.**

**Câu 7. Câu thơ “***Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,*

*Lúa thì con gái mượt như nhung”*

Sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Nhân hoá **B. So sánh**  C. Điệp từ D. Liệt kê

**Câu 8.** Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong”.

A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.

B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.

C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.

**D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.**

**Câu 9.** Qua bài thơ em hãy nhận xét về tâm hồn, tình cảm của thi sĩ trong bài thơ.

Qua bài thơ “Xuân về” của Nguyễn Bính, em thấy trân trọng những nét đẹp về văn hóa nào của Việt Nam?

**Câu 10**. Từ đó em rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 7: BÀI 7**

**Tiết 96, 97**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: BIỆN PHÁP TU TỪ, NGHĨA CỦA TỪ NGỮ**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc suy ngẫm và chuẩn bị bài ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các biện pháp tu từ, nghĩa của từ ngữ.

-Thực hành bài tập về các biện pháp tu từ, nghĩa của từ ngữ.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

* Mục tiêu: Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các biện pháp tu từ, nghĩa của từ ngữ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV PHÁT VẤN CÂU HỎI ĐỂ HS KHƠI LẠI KIẾN THỨC.**   * **HS tiếp nhận nhiệm vụ.**   **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá  **ĐỂ NHANH HƠN GV CÓ THỂ IN SẴN TỜ TRI THỨC TIẾNG VIỆT PHÁT CHO HS.**  **HOẶC CHO HS LÀM PHIẾU BÀI TẬP ĐIỀN KHUYẾT THAY VÌ HỎI VẤN ĐÁP.**  **NẾU HS CÓ SỔ TAY VĂN HỌC ĐÃ GHI CHÉP KIẾN THỨC THÌ CHO HS TRÌNH BÀY NHANH ĐỠ MẤT THỜI GIAN.** | **I/ TRI THỨC TIẾNG VIỆT**  **1. Biện pháp tu từ là gì?**  Biện pháp tu từ là phép tu từ thường được dùng để làm cho câu văn hay từ ngữ trở nên bóng bẩy dùng hình ảnh để người đọc, người nghe, dễ hiểu không nhàm chán.  Biện pháp tu từ là các cách sử dụng ngôn ngữ theo một cách đặc biệt ở một đơn vị ngôn ngữ nhất định (về từ, câu hay cả đoạn văn bản) theo từng ngữ cảnh nhằm mục đích tăng sức gợi hình, gợi cảm diễn đạt. Qua đó tạo những ấn tượng cho người đọc hình dung rõ nét hơn về hình ảnh, cảm nhận cảm xúc một cách chân thực.  **2. Tổng hợp các biện pháp tu từ**  **Biện pháp tu từ So sánh**  **Khái niệm:**Nói đến các biện pháp tu từ nghệ thuật phổ biến nhất chúng ta có thể nhắc ngay đến biện pháp tu từ so sánh. Khái niệm của biện pháp so sánh: “So sánh chính là một biện pháp tu từ được sử dụng để đối chiếu các sự việc, sự vật này với các sự việc, sự vật khác mà chúng giống nhau ở một điểm nào đó.”  **Tác dụng**của biện pháp tu từ so sánh: Sử dụng so sánh để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt.  **Phân loại:**Biện pháp tu từ so sánh có thể phân loại theo 2 cách sau đây:  *- Theo mức độ có các kiểu so sánh sau: So sánh ngang bằng, so sánh không ngang bằng (hay còn gọi là hơn, kém…)*  ***Ví dụ biện pháp tu từ so sánh:***  Câu thơ “Người là cha, là bác, là anh/Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ” – nhà thơ Tố Hữu đã sử dụng biện pháp so sánh ngang bằng.  Câu thơ “Con đi trăm núi ngàn khe/Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm” – ở đây nhà thơ Tố Hữu sử dụng biện pháp so sánh không ngang bằng.  *- Theo đối tượng có các kiểu so sánh sau: So sánh khác loại và so sánh cùng loại, so sánh cái cụ thể với cái trừu tượng.*  ***Ví dụ như***  Mẹ già như chuối chín cây vậy => so sánh khác loại  Mặt trời đỏ au như hòn than lửa =>so sánh cùng loại  Công cha như núi Thái Sơn vậy => so sánh cái cụ thể với cái trừu tượng.  **Nhân hóa**  **Khái niệm:**“Nhân hoá là biện pháp tu từ gọi hoặc miêu tả con vật, cây cối, đồ vật… bằng những từ ngữ thường được dùng để gọi hoặc tả con người”.  **Tác dụng:**Biểu thị những suy nghĩ, tình cảm như của con người, khiến sự vật hoặc con vật trở nên gần gũi, có hồn.  **Phân loại:**  – Dùng từ chỉ con người để gọi tên sự vật, sự việc.  Ví dụ: Chị ong nâu nâu, ông mặt trời, anh gà trống, chàng gió…  – Dùng từ chỉ hành động, tính chất của con người để nói về sự vật/con vật.  Ví dụ: Những sợi cỏ đang tựa lưng vào nhau, hớn hở chào đón nắng, anh gió thì thầm to nhỏ câu chuyện hôm qua chắc bạn mây hờn dỗi mặt trời nên giờ vẫn chẳng thấy tăm hơi.  **Ẩn dụ**  **Khái niệm:**Ẩn dụ là các biện pháp tu từ vựng gọi tên sự vật, hoặc hiện tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác khi giữa chúng có nét tương đồng với nhau.  **Tác dụng:**nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho chủ thể nhắc đến trong câu.  **Phân loại:**  – Ẩn dụ hình thức nghĩa là người nói hoặc người viết cố tình giấu đi một phần ý nghĩa trong câu.  Ví dụ: “Đầu đường lửa lựu lập lòe đơm bông” (trích Truyện Kiều)  Lửa lựu là ẩn dụ hình ảnh bông hoa lựu đỏ như màu lửa.  – Ẩn dụ cách thức nghĩa là người nói thể hiện vấn đề bằng nhiều cách, qua đó diễn đạt được hàm ý nào đó.  Ví dụ: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”  Quả sử dụng các biện pháp tu từ từ vựng ẩn dụ cách thức chỉ “thành quả” lao động.  Kẻ trồng cây là biện pháp ẩn dụ chỉ người đã tạo ra thành “quả” đó.  – Ẩn dụ phẩm chất nghĩa là thay thế phẩm chất của sự vật, hiện tượng này bằng phẩm chất của sự vật hay hiện tượng khác trên cơ sở có sự tương đồng.  Ví dụ: “Người cha mái tóc bạc/nhóm lửa cho anh nằm”  Người cha là ẩn dụ nói về Bác Hồ, ngụ ý về sự ân cần của Bác như một người thân và bày tỏ lòng kính trọng với Bác như cha mẹ sinh thành.  – Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác nghĩa là từ diễn đạt tính chất, đặc điểm của sự vật được cảm nhận bằng giác quan này nhưng lại được dùng để miêu tả cảm nhận trên giác quan khác.  Ví dụ: Giọng nói của cô ấy thật là ngọt ngào.  Giọng nói được nhận biết qua thính giác (bằng tai) nhưng lại dùng từ miêu tả cảm nhận của vị giác (vị ngọt ngào) để diễn đạt.  **Hoán dụ:** là các biện pháp tu từ từ vựng mà dùng cách gọi tên các hiện tượng, sự vật hoặc khái niệm này bằng tên của một hiện tượng, sự vật, khái niệm nào đó khác. Mà giữa hai đối tượng đó có mối liên quan với nhau.  **Tác dụng**của biện pháp hoán dụ: nhằm tăng sức gợi hình và gợi cảm trong sự diễn đạt của câu văn, lời nói.  **Phân loại**biện pháp tu từ hoán dụ:  *\* Lấy bộ phận chỉ cả toàn thể*  Ví dụ: “Hắn ta rất nhanh chóng bị hạ gục bởi một tay súng vô cùng cừ khôi”  Tay súng ở đây là biện pháp tu từ hoán dụ lấy “tay” chỉ là một bộ phận cơ thể để chỉ toàn bộ con người đó.  \* ***Lấy vật chứa đựng chỉ vật đang bị chứa đựng.***  Ví dụ: câu thơ “Vì sao Trái Đất nặng ân tình/Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh” nhà thơ Tố Hữu đã dùng Trái Đất là vật chứa đựng rất nhiều đất nước để ám chỉ vật bị chứa đựng chính là đất nước Việt Nam.  \* *Lấy một hay các dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật đó.*  Ví dụ: câu thơ Mập mờ áo hồng bên hiên lớp/Bối rối mắt xanh trốn má đào.  Áo hồng và má đào đều là các dấu hiệu của một cô gái trẻ.  Mắt xanh chính là dấu hiệu của một chàng trai trẻ đang bối rối khi đứng trước người mình thích.  \* *Lấy một cái cụ thể để gọi tên một cái trừu tượng.*  Ví dụ: câu thơ “1 cây làm chẳng nên non/3 cây chụm lại nên hòn núi cao” câu ca dao Việt Nam trên đã dùng 1 cây và 3 cây là hoán dụ để ám chỉ số lượng ít và số lượng nhiều.  **Đảo ngữ:** chính là các biện pháp tu từ cú pháp làm thay đổi trật tự cấu tạo ngữ pháp thông thường của câu văn.  **Tác dụng biện pháp tu từ Đảo ngữ:**Thường dùng để nhấn mạnh và gây ấn tượng về nội dung biểu đạt mà tác giả muốn cho người đọc hướng đến.  Ví dụ: câu thơ “Lom khom dưới núi, tiều vài chú/lác đác bên sông, rợ mấy nhà” câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan nếu là câu bình thường sẽ là “Dưới núi vài chú tiều đang lom khom và bên sông chỉ có lác đác rợ mấy nhà”.  Các tính từ “lom khom”, “lác đác” đã được đảo lên đầu câu để nhấn mạnh về sự vắng vẻ, heo hút của không gian nơi đây nhằm thể hiện nỗi cô quạnh, cô độc sâu kín trong tâm hồn của người viết.  **Liệt kê:** là cách sắp xếp, nối tiếp nhau các từ hoặc cụm từ cùng loại với nhau. Qua đó diễn tả một khía cạnh hoặc một tư tưởng, một tình cảm được đầy đủ, rõ ràng hơn đến cho người đọc, người nghe”.  **Tác dụng:**Diễn tả cụ thể, đầy đủ hoặc nhằm nhấn mạnh nội dung.  Ví dụ: “Cúc, ly, mai, lan, hồng… mỗi loài 1 hương, mỗi loài 1 sắc”.  Liệt kê tên nhiều loài hoa nhằm nhấn mạnh sự đa dạng, đồng thời tạo liên tưởng về khu vườn rực rỡ màu sắc và hương thơm từ các loài hoa.  **Nói giảm, nói tránh, nói quá:** là các biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt sao cho tế nhị, uyển chuyển, nhằm không gây cảm giác quá ghê sợ, đau buồn, nặng nề; hoặc thô bỉ, thiếu lịch sự.  **Ví dụ: “**Bác nằm trong giấc ngủ bình yên/Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền” – thơ của Viễn Phương, “nằm trong giấc ngủ bình yên” là cách nói giảm nói tránh việc qua đời của Bác Hồ chỉ như một giấc ngủ dài.  – Nói quá là các biện pháp tu từ dùng cách phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật hoặc hiện tượng được miêu tả. Qua đó nhấn mạnh câu nói gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho câu”.  **Ví dụ: “**Dân công đỏ đuốc từng đoàn/Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay” – Thơ của Tố Hữu  “Bước chân nát đá” là các biện pháp tu từ cường điệu nhằm thể hiện sức mạnh, lòng quyết tâm cùng ý chí chiến đấu mãnh liệt.  **Điệp ngữ:** Điệp ngữ hay lặp từ là các biện pháp tu từ dùng cách nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ hoặc cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt.  **Tác dụng:**nhấn mạnh, gây ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc… và tạo nhịp điệu cho câu hay đoạn văn bản.  **Ví dụ:** “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà, giữ đồng lúa chín” – Thép Mới viết trong “Cây tre Việt Nam”  Điệp từ “giữ” nhấn mạnh công dụng và phẩm chất cao quý của tre. Qua hình ảnh cây tre, ngợi ca, tự hào về phẩm chất chất dân tộc, con người Việt Nam.   [Cây tre Việt Nam – Thép Mới]  - Điệp ngữ có nhiều dạng:  + Điệp ngữ cách quãng:  *“Buồn trông cửa bể chiều hôm,*  *Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?*  *Buồn trông ngọn nước mới sa,*  *Hoa trôi man mác biết là về đâu ?*  *Buồn trông nội cỏ dàu dàu,*  *Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.*  *Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,*  *Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*           [Truyện Kiều – Nguyễn Du]  + Điệp nối tiếp:  *“Mai sau*  *Mai sau*  *Mai sau*  *Đất xanh, tre mãi xanh màu tre xanh”*       [Tre Việt Nam – Nguyễn Duy]  + Điệp vòng tròn:  *“Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*  *Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*  *Ngàn dâu xanh ngắt một màu*  *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?”*     [Chinh phụ ngâm – Đoàn Thị Điểm] |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.**

* Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về hài kịch, luyện tập cách đọc hiểu văn bản hài kịch.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV PHÁT PHIẾU BÀI TẬP**  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Câu 1:**  Trong câu ca dao sau đây:  *Trâu ơi ta bảo trâu này*  *Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta*  Cách trò chuyện với trâu trong bài ca dao trên cho em cảm nhận gì ?  **Câu 2:**  Hãy cho biết phép nhân hóa trong mỗi đoạn trích dưới đây được tạo ra bằng cách nào và tác dụng của nó như thế nào.  a) *Núi cao chi lắm núi ơi*  *Núi che mặt trời chẳng thấy người thương!*  (Ca dao)  b) *Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tấp nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày này bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếc mỏ, chẳng được miếng nào.*  (Tô Hoài)  c) *Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. […] Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trút xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước.*  (Võ Quảng)  **Câu 3:** Tìm từ ngữ được nhân hóa và cho biết phép nhân hóa dựa theo cách nào?  –  *Dòng sông mới*điệu *làm sao*  *Nắng lên*mặc áo*lụa đào*thướt tha  ( *Dòng sông mặc áo* – Nguyễn Trọng Tạo).  - Hàng cau nhút nhát, e thẹn trước ánh nắng ban mai.  - Họa Mi ***tự tin khoe*** tiếng hót của mình trước các loài chim. |

**BÀI TẬP AI NHANH NHẤT?**

**( VỚI DẠNG BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM CÓ THỂ TỔ CHỨC CHO HS THI TRẢ LỜI NHANH)**

**Câu 1:** Xác định biện pháp tu từ được dùng trong văn bản sau: “Bây giờ mận mới hỏi đào – Vườn hồng đã có ai vào hay chưa”.

a. ẩn dụ b. hoán dụ c. so sánh d. nói giảm

**Câu 2:** Trong câu “Một giọt máu đào hơn ao nước lã”. “Giọt máu đào”, chỉ cái gì?

a. là hình ảnh ẩn dụ chỉ những người có chung một huyết thống

b. là hình ảnh ẩn dụ chỉ những người không có quan hệ huyết thống.

c. là hình ảnh hoán dụ chỉ những người có quan hệ huyết thống

d. là hình ảnh hoán dụ chỉ những người không có quan hệ huyết thống.

**Câu 3:** Trong câu “Một giọt máu đào hơn ao nước lã”. “Giọt máu đào”, chỉ cái gì?

a. là hình ảnh ẩn dụ chỉ những người có chung một huyết thống

b. là hình ảnh ẩn dụ chỉ những người không có quan hệ huyết thống.

c. là hình ảnh hoán dụ chỉ những người có quan hệ huyết thống

d. là hình ảnh hoán dụ chỉ những người không có quan hệ huyết thống.

**Câu 4:** Thế nào là ẩn dụ?

a. là biện pháp tu từ trong đó cái so sánh ẩn đi, là so sánh ngầm, vì chúng giống nhau

b. là biện pháp tu từ trong đó cái so sánh ẩn đi, là so sánh ngầm, vì chúng có điểm tương đồng với nhau.

c. là biện pháp tu từ trong đó cái so sánh ẩn đi, là so sánh ngầm, vì chúng thường đi gần với nhau.

d. là biện pháp tu từ trong đó cái so sánh ẩn đi, là so sánh ngầm, vì chúng có điểm khác nhau với nhau.

**Câu 5:** Tác dụng của ẩn dụ tu từ trong bài ca dao: “Bây giờ mận mới hỏi đào – Vườn hồng đã có ai vào hay chưa – Mận hỏi thì đào xin thưa – Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào”.

a. Làm cho cách nói trở nên tế nhị, sâu sắc chàng trai muốn tỏ tình với cô gái đã mượn cách nói này.

b. Làm cho cách nói trở nên hấp dẫn, trau chuốt, thể hiện lời tỏ tình của chàng trai.

c. Làm cho cách nói trở nên dễ hiểu, gần gũi với đời sống tâm tình của người bình dân.

d. Làm cho cách nói trở nên ý nhị, tinh tế , bộc lộ được tình cảm của chàng trai.

**Câu 6**: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản sau: “Bác Dương thôi đã thôi rồi”

a. ẩn dụ b. nói quá c. nói giảm, nói tránh d. hoán dụ

**Câu 7:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản sau: “Cái nết đánh chết cái đẹp”

a. ẩn dụ b. nói quá c. nói giảm, nói tránh d. hoán dụ

**Câu 8:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản sau: “Ai đi đâu đấy hỡi ai – Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm”

a. ẩn dụ b. nói quá c. nói giảm, nói tránh d. hoán dụ

**Câu 9:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản sau: “Ai làm cho bướm lìa hoa – Cho chim xanh nỡ bay qua vườn hồng”

a. ẩn dụ b. nói quá c. nói giảm, nói tránh d. hoán dụ

**Câu 10:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản sau: “Mấy hôm nay cụ nhà cháu khó ở”

a. ẩn dụ b. nói quá c. nói giảm, nói tránh d. hoán dụ

**Câu 11:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản sau: “Giận bầm gan tím ruột”

a. ẩn dụ b. nói quá c. nói giảm, nói tránh d. hoán dụ

**Câu 12**: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản sau: “Thuận vợ, thuận chồng tát biển Đông cũng cạn”

a. ẩn dụ b. nói quá c. nói giảm, nói tránh d. hoán dụ

**Câu 13**: Tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản sau là: “Thuận vợ, thuận chồng tát biển Đông cũng cạn”

a. Nhằm khẳng định sức mạnh của đoàn kết

b. Nhằm khẳng định của tình cảm vợ chồng

c. Nhằm đề cao giá trị của tình cảm

d. Nhằm thể hiện tình yêu thương thủy chung của vợ chồng.

**Câu 14:** Tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản sau là: “Cái nết đánh chết cái đẹp”

a. Coi trọng phẩm chất đức hạnh con người hơn hình thức bề ngoài.

b. Đề cao cái đẹp về hình thức, hơn cái đẹp về phẩm chất.

c. Ca ngợi vẻ đẹp ngoại hình, hình thức bên ngoài.

c. Khẳng định giá trị của cái đẹp và cái nết, bao giờ cái đạp cũng hơn cái nết.

### ****ĐÁP ÁN****

1a, 2a, 3b, 4b, 5a, 6c,7a, 8a, 9a, 10c, 11b, 12b, 13b, 14a

**BÀI TẬP NÀY LÀM TRÊN GIẤY**

**(GV PHÁT PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 CHO HS)**

**\* Phân biệt so sánh và ẩn dụ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ẩn dụ | So sánh |
| Giống | Diễn đạt dựa trên cơ sở những nét tương đồng của sự vật hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác. | |
| Khác | Thực chất là phép so sánh ngầm giữa hai sự vật, hiện tượng. Trong đó:  + Phải có một vế sự vật, hiện tượng bị ẩn đi. | Một phép so sánh thường gồm các thành phần:  + Hai vế bắt buộc phải có: vế được so sánh và vế dùng để so sánh  + Phương diện so sánh và từ dùng để so sánh có thể có hoặc không. |
| Biện pháp ẩn dụ giữa các sự vật, hiện tượng thường mang tính ngang bằng, tương đương nhau. | So sánh có hai kiểu: so sánh ngang bằng hoặc so sánh hơn/kém. |

**\* Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ẩn dụ | So sánh |
| Giống | - Đều là lấy sự vật hiện tượng này để gọi tên sự vật hiện tượng khác dựa trên một mối quan hệ nào đó.  - Đều làm tăng tính hiệu quả cho diễn đạt: làm cho diễn đạt trở nên hàm súc, giàu tính hình tượng, biểu cảm. | |
| Khác | - Chuyển đổi tên gọi dựa trên mối quan hệ tương đồng ( giống nhau) giữa các đối tượng. | - Chuyển đổi tên gọi dựa trên mối quan hệ tương cận ( gần gũi, song hành) giữa các đối tượng. |
| - Cơ chế hoạt động là dựa trên mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng độc lập. | - Cơ chế hoạt động là dựa trên mối quan hệ giữa các phương diện khác nhau của cùng một sự vật, hiện tượng. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Tìm phép nhân hoá trong khổ thơ sau:  *Ông trời*  *Mặc áo giáp đen*  *Ra trận*  *Muôn nghìn cây mía*  *Múa gươm*  *Kiến*  *Hành quân*  *Đầy đường.*  (Trần Đăng Khoa)  **Câu 2:** So với cách diễn đạt sau, cách miêu tả sự vật, hiện tượng ở khổ thơ của Trần Đăng Khoa hay ở chỗ nào?  *-  Bầu trời đầy mây đen.*  *-  Muôn nghìn cây mía ngả nghiêng, lá bay phấp phới.*  *-  Kiến bò đẩy đường.*  **Câu 3:** Trong các câu dưới đây những sự vật nào được nhân hoá?  *a) Từ đó,****lão****Miệng,****bác****Tai,****cô****Mắt,****cậu****Chân,****cậu****Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.*  (Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)  *b) Gậy tre, chông tre,****chống lại****sắt thép của quân thù. Tre****xung phong****vào xe tăng, đại bác. Tre****giữ****làng,****giữ****nước,****giữ****mái nhà tranh,****giữ****đồng lúa chín.*  (Thép Mới)  *c) Trâu****ơi,****ta bảo trâu này*  *Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày cho ta.*  (Ca dao)  Dựa vào các từ in đậm, cho biết mỗi sự vật trên được nhân hoá bằng cách nào?  **Câu 4:** Tìm từ ngữ được nhân hóa và cho biết phép nhân hóa dựa theo cách nào?  *– Bão bùng thân bọc lấy thân*  *Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm.*  ( Tre Việt Nam – Nguyễn Duy).  *– Mặt trời xuống biển như hòn lửa*  *Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*  ( Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận).  *– Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*  *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*  ( Ngắm trăng – Hồ Chí Minh). |
| Gợi ý:  Câu 1: - Phép nhân hoá:  + Ông trời mặc áo giáo đen ra trận  + Muôn nghìn cây mía múa gươm  + Kiến hành quân đầy đường  -  "Ông" thường dược dùng để gọi người, ở đây được dùng để gọi trời.  -  Các hoạt động: mặc áo giáp, ra trận là các hoạt động của con người nay được dùng để tả bầu trời trước cơn mưa.  -  Từ "múa gươm" để tả cây mía, "hành quân" để tả kiến.  Câu 2: So sánh cách diễn đạt trên với cách miêu tả trong khổ thơ của Trần Đăng Khoa thấy cách diễn đạt trong thơ Trần Đăng Khoa có tính hình ảnh, là cho các sự vật, việc được miêu tả gần gũi hơn với con người.  Câu 3: Những sự vật được nhân hoá:  -  Câu a: miệng, tai, mắt, chân, tay  -  Câu b: tre  -  Câu c: trâu   Các nhân hoá những sự vật trong các câu văn, thơ:  -  Dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi sự vật (câu a):  lão, cô, bác, cậu  -  Dùng những từ ngữ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật (câu b):  “chống lại”, “xung phong”, “giữ”  -  Trò chuyện, xưng hô với vật như với người (câu c).  Câu 4:  Nhân hóa dựa vào từ miêu tả hoạt động con người của sự vật.  – ôm, níu.  – xuống, cài, sập.  – ngắm, soi , nhòm , ngắm . |

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 5**

**Đọc câu chuyện sau và cho biết có phải hai nhân vật trong truyện đã dùng phép nói quá? Em hãy phân biệt nói quá vơi nói khoác?**

**THẾ CÓ GHÊ KHÔNG?**

*Hai anh bạn lâu ngày gặp nhau. Một anh nói:*

*– Ðời tớ gặp rất nhiều chuyện nguy hiểm. Một lần tớ vào rừng gặp một con hổ dữ, tay không đánh nhau với nó hàng nửa ngày. Nhưng rồi cuối cùng tớ bị con hổ xé ra từng mảnh nhỏ. Thế có ghê không?*

*Anh kia nói:*

*– Vẫn chưa ghê bằng tớ. Một lần tớ gặp con trăn. Nó đớp được hai chân tớ nuốt gần hết, tớ giang thẳng hai cánh tay ra ngáng lại. Nhưng đến phút cuối cùng, vừa đau vừa mỏi, tớ đành buông xuôi hai tay cho nó nuốt tuột vào bụng, rồi mới gọi người làng ra cứu.*

**Gợi ý**

\*Giống nhau:

- Cả hai đều nói quá sự thật và phóng đại quy mô ,tính chất của sự việc được nói đến.

\* Khác nhau:

- Nói quá là biện pháp tu từ có tính nghệ thuật, nhằm gây ấn tượng mạnh, tăng sức biểu cảm trong diễn đạt.

- Nói khoác chỉ là lời nói thường, có tính tiêu cực nhằm làm cho người khác tin vào điều không có thật**.**

**PHIẾU BÀI TẬP SỐ 6**

**1. Xác định các biện pháp tu từ trong các trường hợp sau:**

*a. Ao làng trăng tắm,mây bơi*

*Nước trong như nước mắt người tôi yêu*

*b. Áo nâu liền với áo xanh*

*Nông thôn cùng với thị thành đứng lên*

*c. Có tài mà cậy chi tài*

*Chữ tài liền với chữ tai một vần.*

*d. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn*

*Voi uống nước, nước sông phải cạn.*

*e. Nửa đêm, giờ tý, canh ba*

*Vợ tôi,con gái, đàn bà, nữ nhi.*

***g.*** *Tôi kể ngày xưa chuyện Mỵ Châu*

*Trái tim nhầm chỗ để trên đầu*

*Nỏ thần vô ý trao tay giặc*

*Nên nỗi cơ đồ đắm bể sâu.*

***h.*** *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*

***i.*** *Kẻ ăn ốc,người đổ vỏ.*

***k.*** *Lá phong đỏ như mối tình đượm lửa*

*Hoa cúc vàng như nỗi nhớ day dưa*

***l.*** *Kị qua còn cỗ cúng,kì kèo cố kéo cánh cò quay.*

***m.*** *Anh Hươu đi chợ Đồng Nai*

*Bước qua Bến Nghé ngồi nhai thịt bò.*

***n.*** *Ô! Quạ bắt gà.*

*Xà! Rắn ăn ngóe.*

***2. Xác định phép nói giảm nói tránh trong các ví dụ sau và chỉ rõ tác dụng:***

*a. Chia buồn cùng gia đình, chúng tôi đã cố gắng hết sức nhưng bệnh nhân không qua khỏi.*

*b. Rải rác biên cương mồ viễn xứ*

*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*

*Áo bào thay chiếu anh về đất*

*Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

*(Tây Tiến, Quang Dũng)*

*c. Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt!*

*(Nam Cao)*

*g. Đây là trường học đặc biệt cho các em khiếm thính.*

*h. Mẹ đi bước nữa, em ở với bà nội từ bé.*

*i. Anh ấy mãi mãi nằm lại ở chiến trường B.*

*k. Đứa bé sơ sinh áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, cảm nhận những hơi ấm đầu tiên của tình mẫu tử.*

*l. Người ta phát hiện một tử thi ngay tại hiện trường vụ án mạng.*

*d. Bài thơ anh viết về ý tứ, hình ảnh thì được, nhưng tình cảm còn chưa đủ sâu.*

*e. Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.*

*(Hồ Chí Minh, Di chúc)*

***3. Tìm biện pháp nói quá và giải thích ý nghĩa của chúng trong các ví dụ sau:***

*a. Bàn tay ta làm nên tất cả*

*Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.*

*(Hoàng Trung Thông, Bài ca vỡ đất)*

*b. Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sượt da thôi. Từ giờ đến sáng em có thể đi lên đến tận trời dược.*

*(Nguyễn Minh Châu, Mảnh trăng cuối rừng)*

*c. [...] Cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn với hắn, mời hắn vào nhà xơi nước.*

*(Nam Cao, Chí Phèo)*

***4. Điền các thành ngữ sau đây vào chỗ trống để tạo biện pháp tu từ nói quá: Bầm gan tím ruột, chó ăn đá gà ăn sỏi, nở từng khúc ruột, ruột để ngoài da, vắt chân lên cổ.***

*a. Ở nơi /.../ thế này, cỏ không mọc nổi nữa là trồng rau, trồng cà.*

*b. Nhìn thấy tội ác của giặc, ai ai cũng /.../*

*c. Cô Nam tính tình xởi lởi, /.../*

*d. Lời khen của cô giáo làm cho nó /.../*

*e. Bọn giặc hoảng hốt /.../ mà chạy.*

***5. Tìm các thành ngữ sử dụng biện pháp tu từ nói quá.***

*Ví dụ: tức lộn ruột, nhớ cháy lòng, nghĩ nát óc, hôi như chuột chù, đen như cột nhà cháy…*

***6. Xác định các biện pháp tu từ có trong bài thơ sau:***

*Cây dừa xanh toả nhiều tàu  
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng  
Thân dừa bạc phếch tháng năm  
Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao  
  
Đêm hè hoa nở cùng sao  
Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh  
Ai mang nước ngọt, nước lành  
Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa  
  
Tiếng dừa làm dịu nắng trưa  
Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo  
Trời trong đầy tiếng rì rào  
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra...  
  
Đứng canh trời đất bao la  
Mà dừa đủng đỉnh như là đứng chơi*

***7. Xác định các biện pháp tu từ có trong các ví dụ sau:***

***a.*** *Mai về miền nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

***b.*** *Sáng nay chúng em đi đánh dậm*

*Bên ruộng lúa xanh non*

*Những chị lúa phất phơ bím tóc*

*Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học*

*Đàn cò áo trắng*

*Khiêng nắng*

*Qua sông*

*Cô gió chăn mây trên đồng*

*Bác mặt trời đạp xe qua đỉnh núi*

***c.*** *Bây giờ anh lấy người ta*

*Như dao cắt ruột em ra làm mười.*

***d.*** *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.*

***e.*** *Dòng sông lặng ngắt như tờ*

*Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo.*

***g.*** *Lượng con ông Độ ấy mà. Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ chẳng còn.*

***h.*** *Sen tàn, cúc lại nở hoa*

*Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân*

***i.*** *Bác đã đi rồi sao Bác ơi*

*Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời*

***8. Xác định biện pháp tu từ hoán dụ và các kiểu hoán dụ trong các ví dụ sau:***

***a.*** *Ngày Huế đổ máu*

*Chú Hà Nội về*

*Tình cờ chú cháu*

*Gặp nhau Hàng Bè*

***b.*** *Vì sao trái đất**nặng ân tình*

*Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh*

***c.*** *Người đầu bạc tiễn kẻ đầu xanh*

***d.*** *Một cây làm chẳng nên non*

*Ba cây chụm lại lên hòn núi cao.*

***e.*** *Đầu xanh có tội tình gì*

*Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.*

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 4: BÀI 4**

**Tiết 98,99,100**

**ÔN TẬP VIẾT BÀI VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ TỰ DO.**



**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nắm được các bước thực hành làm một bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một đoạn thơ, bài thơ tự do.

- Năng lực thu thập thông tin, tìm ý và xây dựng cấu trúc một viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một đoạn thơ, bài thơ tự do.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực viết: viết được đoạn văn đúng hình thức và đảm bảo về nội dung,

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

**Mục tiêu:** HS cần hiểu và nắm rõ kiến thức về viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một đoạn thơ, bài thơ tự do.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện**   **Nhiệm vụ 1:** GV giúp HS khắc sâu kiến thức về kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về thơ tự do.  - GV phát vấn câu hỏi: Đoạn văn ghi lại cảm xúc về 1 đoạn thơ tự do là đoạn văn có nội dung gì?  Yêu cầu đối với một đoạn văn?  Cấu trúc của đoạn?  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét, chốt lại kiến thức.**  **Nhiệm vụ 2:** GV giúp HS nắm vững quy trình viết về kiểu bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về thơ tự do.  - GV phát vấn câu hỏi: Muốn viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về 1 đoạn thơ tự do ta phaari thực hiện qua mấy bước?  Yêu cầu đối với một đoạn văn?  Cấu trúc của đoạn?  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét, chốt lại kiến thức.** | 1. **TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI**   Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do là đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người đọc về một bài thơ tự do (thể thơ mà người viết không bị ràng buộc vào các quy tắc về số câu, số chữ, số dòng, cách gieo vần…khi sáng tác).  **\* Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do:**  - Trình bày cảm nghĩ của người viết về một bài thơ tự do  - Cấu trúc gồm có ba phần:  + Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề).  + Thân đoạn: trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.  + Kết đoạn: khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với người viết.  **\* Hướng dẫn quy trình viết**  **Đề bài:** Chọn một bài thơ tự do mà em yêu thích, viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về bài thơ đó.  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  Em hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Thơ tự do là thể thơ như nào? Đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về một bài thơ tự do có đặc điểm gì về hình thức và nội dung?  →  +  Thơ tự do là thơ phân dòng nhưng không có thể thức nhất định và không quy định số lượng từ trong một câu, cũng như không cần có vần liên tục.  + Hình thức: thể thơ 7 chữ, gieo nhịp 4/3  + Nội dung: Viết về vẻ đẹp của mùa thu.  - Mục đích viết đoạn văn này là gì? Người đọc đoạn văn này có thể là ai? Họ muốn thu nhận điều gì từ đoạn văn của em?  →  + Mục đích: Ca gợi vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời khi vào thu.  + Người đọc đoạn văn này có thể là: người thân – bố mẹ, ông bà; bạn bè; thầy cô…  - Điều mà người đọc muốn thu nhận từ đoạn văn là: cảm xúc, nội dung …  - Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào?  →  + Nội dùng gần gũi, thân thuộc, gắn liền với đời sống thường ngày.  + Viết dưới dạng một bài thơ.  - Tìm những thông tin ấy ở đâu?  → Tham khảo trong sách báo, đời sống…  - Em xác định:  + Mục đích viết bài này là gì?  → Giải trí, nâng cao trình độ tư duy sáng tạo.  + Người đọc bài này có thể là ai?  → Người thân, bạn bè, thầy cô.  + Nội dung và cách viết như thế nào?  → Nội dung về đề tài mùa thu, viết dưới dạng một bài thơ.  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  - Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để cảm nhận nhạc điệu được thể hiện qua cách gieo vần, ngắt nhịp…  - Xác định những cái hay của bài thơ về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, nhạc điệu, cách sắp xếp bố cục…  - Ghi lại những cảm xúc và suy nghĩ mà bài thơ gợi cho em bằng một vài cụm từ.  **Bước 3: Viết đoạn**  Dựa vào dàn ý đã lập, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ. |

\* Sắp xếp các ý đã ghi theo sơ đồ tham khảo sau:

Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề).

**MỞ ĐOẠN**

Trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.

**THÂN ĐOẠN**

**KẾT ĐOẠN**

Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với người viết.

**Đoạn văn tham khảo**

Đoạn thơ cuối bài thơ Vội vàng của nhà thơ Xuân Diệu:

Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm,

Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;

Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,

Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,

Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều

Và non nước, và cây, và cỏ rạng,

Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng

Cho no nê thanh sắc của thời tươi;

- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

Ông hoàng thơ tình Xuân Diệu luôn khao khát sống và sống gấp, sống vội. Nếu ở khổ thơ đầu và khổ thứ hai là tình yêu mãnh liệt cùng với sự nuối tiếc chia lìa thì đoạn thơ cuối bài là lời giải đáp cho câu hỏi: sống vội vàng là như thế nào. Cụm từ “mau đi thôi” như một lời thúc giục khi tác giả nhận ra rằng vẫn còn kịp để yêu thương và sống trọn vẹn với tuổi xuân cho đến phút cuối cùng. Phải rồi! “mùa chưa ngả chiều hôm”, xuân vẫn còn đó, người đang yêu tha thiết thì tại sao phải nghĩ nhiều đến chia lìa để hao hụt niềm vui hiện tại. Vì thế mà Xuân Diệu bừng tỉnh và giọng điệu thơ trở lại sự nồng nhiệt thiết tha. Điệp từ “ta muốn” tạo thành một cấu trúc câu đều đặn, hối hả như thúc giục mọi người hãy yêu quý tuổi trẻ của mình, hãy làm những điều mà chỉ có tuổi trẻ mới làm được và trước hết là say đắm với thiên nhiên, tình yêu của mùa xuân. Thêm vào đó là các động từ chỉ tâm thế: ôm, riết, say, thâu, cắn diễn tả được tình cảm vồ vập và niềm khao khát tận hưởng đến tham lam. Các động từ này có sự tăng tiến rõ rệt trong ước muốn. Ban đầu chỉ là một cái ôm nhẹ nhàng nhưng ôm nào đủ cho sự khát khao, phải siết mạnh thì mới cảm nhận được tình yêu. Khi gần bên, nhà thơ say sưa thâu tóm tất cả vào mình và cuối cùng là hành động mạnh nhất là cắn, như muốn chiếm hữu làm của riêng. Những câu thơ tiếp theo, Xuân Diệu sử dụng điệp từ cho kết hợp với tính từ “no nê, chếnh choáng, đã đầy” để khẳng định tâm thế của một con người lúc nào cũng hòa mình vào thiên nhiên, cuộc sống. Không phải chỉ vừa đủ mà để cuộc đời hóa thân thành tâm hồn, tâm hồn thì chan chứa tình yêu. Sự cộng hưởng của điệp từ “và” tạo nên sự rộng lớn, bao quát như chính vòng tay tham lam muốn ôm trọn tất cả của nhà thơ. Bài thơ khép lại trong sự hóa thân từ cái tôi cá nhân nhỏ bé thành cái ta chung. Nhà thơ đi từ những khát vọng riêng tư vươn lên thành khát vọng muốn được sông đẹp và cống hiến trọn vẹn với vũ trụ, đất trời. “Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào người“, câu thơ mới lạ và táo bạo. Cảm xúc được cụ thể hóa bằng hành động cũng là điều hợp lí trong trái tim của nhà thơ đang yêu điên cuồng.

**Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |  |
| Mở đoạn | Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng. |  |  |  |
| Dùng ngôi thứ nhất để trình bày cảm xúc về bài thơ. |  |  |  |
| Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả và khái quát về bài thơ. |  |  |  |
| Thân đoạn | Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ theo trình tự hợp lí. |  |  |  |
| Làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ. |  |  |  |
| Kết đoạn | Khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân. |  |  |  |
| Dùng dấu câu để kết thúc đoạn văn. |  |  |  |
| Diễn đạt | Sử dụng một vài phép liên kết phù hợp |  |  |  |
| Viết đúng chính tả, ngữ pháp |  |  |  |
| Dùng từ phù hợp |  |  |  |

- Hãy dùng bảng kiểm sau để tự chỉnh sửa đoạn văn:

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do

- Đọc lại đoạn văn từ góc độ của người đọc và trả lời hai câu hỏi dưới đây:

1. Điều gì của đoạn văn làm em thích nhất?

2. Em sẽ đề xuất người viết điều chỉnh những gì để đoạn văn hấp dẫn hơn.

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH LUYỆN VIẾT**

**Mục tiêu:** HS viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một đoạn thơ, bài thơ tự do.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**. GV giao đề luyện viết cho HS.  HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.  **\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút.  HS làm việc cá nhân.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- Sản phẩm của HS.**  \***Cách 1**  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức làm bài của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA HS SAU GIỜ LUYỆN TẬP** |
| **1. Đề 1**  ***1. Đề 1***: Ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc xong bài thơ sau:  *Chẳng ai muốn làm hành khất Con chó nhà mình rất hư*  *Tội trời đày ở nhân gian Cứ thấy ăn mày là cắn*  *Con không được cười giễu họ Con phải răn dạy nó đi*  *Dù họ hôi hám úa tàn. Nếu không thì con đem bán.*  *Nhà mình sát đường, họ đến Mình tạm gọi là no ấm*  *Con cho thì có là bao Ai biết cơ trời vần xoay*  *Con không bao giờ được hỏi Lòng tốt gửi vào thiên hạ*  *Quê hương họ ở nơi nào. Biết đâu nuôi bố sau này.*  *(Trần Nhuận Minh – Dặn con)*  **LỆNH 1/ EM HÃY TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI SAU ĐỂ TÌM Ý CHO BÀI VIẾT.**  Câu 1: Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ?  Câu 2: Cho biết thái độ của người cha trong bài thơ qua cách nói với  con: Con không được, con không bao giờ được, con phải?  Câu 3: Tìm ít nhất 03 từ Hán Việt được sử dụng trong bài thơ?  Vì sao tác giả lại dùng từ “hành khất” mà không dùng từ “người ăn mày” trong câu thơ đầu?  Câu 4: Theo em người cha muốn dặn con điều gì?  **LỆNH 2/ HOÀN THIỆN PHIẾU BÀI TẬP SAU**   |  | | --- | | **Mở đoạn**  - Giới thiệu tác giả, bài thơ, thể thơ, ấn tượng chung về bài thơ:....................  - Nêu ấn tượng chung về bài thơ (nội dung, nghệ thuật). Dẫn ra câu thơ, đoạn thơ, khổ thơ, bài thơ khiến em yêu thích.:................................................ | | **Thân đoạn**  - Nội dung trữ tình của bài thơ mà em yêu thích? Bài thơ bày tỏ cảm xúc nào? Bức thông điệp được gửi gắm qua bài thơ là gì? Lý do mà em yêu thích là:......................................................................................................................  - Nét đặc sắc về yếu tố hình thức của bài thơ mà em yêu thích (thể thơ, số tiếng trong mỗi dòng thơ, vần, nhịp, hình ảnh, biện pháp tu từ, bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo.... Lý do mà em yêu thích là:..............................  - Đánh giá tài năng, tình cảm của nhà thơ ........................................................ | | **Kết đoạn**  - Khẳng định lại cảm xúc của bản thân về bài thơ và liên hệ từ nội dung bài thơ gợi ra.......................................................................................................... |   **LỆNH 3/ VIẾT THEO DÀN Ý ĐÃ XÂY DỰNG.**  **LỆNH 4/ CHỮA BÀI ĐÃ VIẾT.**  **\* Đoạn văn tham khảo**  **Đề 2: Ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc xong bài thơ sau**  **TỪ ẤY (Tố Hữu)**  *Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ Mặt trời chân lý chói qua tim Hồn tôi là một vườn hoa lá Rất đậm hương và rộn tiếng chim…*  *Tôi buộc lòng tôi với mọi người Để tình trang trải với trăm nơi Để hồn tôi với bao hồn khổ Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời*  *Tôi đã là con của vạn nhà Là em của vạn kiếp phôi pha Là anh của vạn đầu em nhỏ Không áo cơm, cù bất cù bơ…*  (Tháng 7-1938)  **1/ Hoàn thiện phiếu học tập**   |  | | --- | | **Mở đoạn**  - Giới thiệu tác giả, bài thơ, thể thơ, ấn tượng chung về bài thơ:....................  - Nêu ấn tượng chung về bài thơ (nội dung, nghệ thuật). Dẫn ra câu thơ, đoạn thơ, khổ thơ, bài thơ khiến em yêu thích.:................................................ | | **Thân đoạn**  - Nội dung trữ tình của bài thơ mà em yêu thích? Bài thơ bày tỏ cảm xúc nào? Bức thông điệp được gửi gắm qua bài thơ là gì? Lý do mà em yêu thích là:......................................................................................................................................  - Nét đặc sắc về yếu tố hình thức của bài thơ mà em yêu thích (thể thơ, số tiếng trong mỗi dòng thơ, vần, nhịp, hình ảnh, biện pháp tu từ, bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo.... Lý do mà em yêu thích là:..............................  - Đánh giá tài năng, tình cảm của nhà thơ ........................................................ | | **Kết đoạn**  - Khẳng định lại cảm xúc của bản thân về bài thơ và liên hệ từ nội dung bài thơ gợi ra.......................................................................................................... |   **LỆNH 2/ Viết bài theo dàn ý đã xây dựng.**  **Lệnh 3/ Chấm, chữa theo bảng kiểm**  **Lệnh 4/ Đọc đoạn văn tham khảo và tự rút kinh nghiệm.**  Tố Hữu - một tiếng thơ trữ tình chính trị xuất sắc nhất của dòng văn học cách mạng kháng chiến Việt Nam, trong đó người đọc không thể quên bài thơ “Từ ấy”. Em ấn tượng bởi nội dung trữ tình và các yếu tố hình thức nghệ thuật tác giả thể hiện trong bài thơ. Trước hết, bài thơ này Tố Hữu đã bày tỏ cảm xúc mãnh liệt đột ngột, cảm xúc thực của một trái tim đang khao khát được giác ngộ, để đi theo chân lí của cách mạng, để tìm ra một hướng đi cho tương lai. Mở đầu bài thơ, tác giả đã dùng từ *Từ ấy* rất độc đáo để diễn tả tâm trạng của mình khi bắt gặp lí tưởng cho cuộc đời. Tố Hữu đã rất tinh tế khi dùng dòng thơ đầu để diễn tả tâm trạng của một chàng thanh niên 19 tuổi giác ngộ lí tưởng cách mạng. Ánh sáng lí tưởng đã chiếu rọi vào tâm hồn trẻ làm bùng nổ một thế giới đầy hương sắc, tràn trề sức sống và niềm vui. Sự gặp gỡ lí tưởng cũng đã tạo nên sự gắn bó với muôn người, ở giữa mọi người. Cái tôi ấy đã hòa chung vào với cộng đồng khi đã thấy “*Mặt trời chân lí chói qua tim”. Mặt trời* hình ảnh qua biện pháp tu từ ẩn dụ, để chiếu ánh sáng lí tưởng cách mạng, mặt trời ấy có đủ sức mạnh và ánh sáng chân lí để soi rọi bao con người, bao chiến sĩ trẻ, bao thanh niên trí thức chưa được giác ngộ. Niềm vui tràn trề của một tâm hồn hòa vào niềm hân hoan của cả một thế hệ thanh niên cách mạng cũng đã tạo nên một cảm xúc ngây ngất say mê: *Hồn tôi là một vườn hoa lá/ Rất đậm hương và rộn tiếng chim.* Tâm hồn của cái tôi trữ tình đón nhận những chân lí tuyệt vời mà Đảng đã đem lại niềm vui mới. Tố Hữu đã dùng biện pháp so sánh ví *hồn tôi* lúc này như là *một vườn hoa lá* có cả hương thơm và rộn rã tiếng chim. Bài thơ là tiếng reo vui của con người đối với cuộc đời, của niềm tin vào một tương lai sáng huy hoàng, vào chân lí của cách mạng. Tác giả dùng thể thơ truyền thống, sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, lời thơ giàu cảm xúc, đậm chất lãng mạn của thi ca Việt Nam, bài thơ làm nổi bật tâm trạng của nhà thơ. Là lời tâm nguyện của chàng thanh niên yêu nước được giác ngộ lí tưởng cách mạng của Đảng và Bác Hồ. Đồng thời đó cũng là tâm nguyện gắn bó với nhân dân lao khổ. Đọc bài thơ, em nhận thấy trách nhiệm của mình đối với bản thân, gia đình và người thân để cố gắng học tập, rèn luyện mai sau góp sức nhỏ bé của mình dựng xây đất nước.  Đề 3: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ Mây và Sóng của Ta – go  *Mẹ ơi, kìa ai đang gọi con trên mây cao. Họ bảo: “Chúng ta vui chơi từ tinh mơ đến hết ngày Chúng ta giỡn với sớm vàng rồi lại đùa cùng trăng bạc” Con hỏi: “Nhưng mà làm thế nào tôi lên trên ấy được?” Họ trả lời: “Con hãy đi đến hết cõi đất, rồi giơ tay lên trời con sẽ bay bổng lên mây” Nhưng con nói: “Mẹ tôi đợi tôi ở nhà, tôi có lòng nào bỏ được mẹ tôi” Họ bèn mỉm cười, và lơ lửng họ bay đi mất Nhưng con biết trò chơi còn hay hơn của họ Con làm mây nhé, mẹ làm mặt trăng, Hai tay con ôm mặt mẹ, còn mái nhà ta là trời xanh  Mẹ ơi, kìa những ai đang gọi con dưới sóng rì rào “Chúng ta ca hát sớm chiều, chúng ta đi mãi mãi, không biết là đi qua những đâu” Con hỏi: “Nhưng làm thế nào tôi đuổi được theo bây giờ?” Họ bảo: “Cứ đi, con cứ đi đến bờ biển, đứng im, con nhắm mắt lại, sóng sẽ cuốn con đi” Con trả lời: “Nhưng đến tối mẹ tôi nhớ thì sao? Tôi làm thế nào mà rời mẹ tôi được?” Họ bèn mỉm cười, và nhảy nhót, họ dần đi xa Nhưng con biết trò chơi còn hay hơn của họ Con làm sóng nhé, mẹ làm mặt biển, Con lăn, lăn như làn sóng vỗ, tiếng con cười giòn tan vào gối mẹ Và không ai trên đời này biết được là mẹ con ta đang ở đâu!*  **Đoạn văn tham khảo**  Nhà thơ Ta-go đã gợi lên trong em những cảm xúc trìu mến về tình mẫu tử thiêng liêng qua bài thơ Mây và sóng. Hình ảnh đứa trẻ nhỏ ở trong bài thơ hiện lên thật ngô nghê nhưng chứa chan tình thương yêu dành cho mẹ của mình. Là một đứa trẻ, những trò chơi, những nơi vui chơi mới lạ, những ngày chỉ có rong chơi không phải học tập thật hấp dẫn biết bao. Thế nhưng, người con đã cưỡng lại được những lời mời gọi hấp dẫn ấy của người trên mây, trong sóng. Bởi, đối với người con, hơn tất cả những điều ấy chính là người mẹ đang chờ đợi ở nhà. Nghĩ đến mẹ, tất cả những trò chơi đều trở nên kém hấp dẫn. Người con còn tự nghĩ ra những trò chơi thú vị, để được ở cùng mẹ, được lăn vào lòng mẹ, được cùng mẹ cười tan. Những điều giản dị, mộc mạc ấy khiến người con vui sướng khôn cùng. Bởi chỉ cần được ở bên mẹ là đã hạnh phúc lắm rồi. Tình cảm thuần túy, nồng ấm ấy của người con khiến em như được nhìn thấy chính mình. Bởi em cũng yêu mẹ của mình lắm, cũng vui sướng lâng lâng khi được mẹ ôm vào lòng, thủ thỉ trò chuyện. Thật tuyệt biết mấy khi được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ! | |

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

**Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ " Lời của cây " của nhà thơ Trần Hữu Thung.**

Đọc bài thơ “Lời của cây” của nhà thơ Trần Hữu Thung, em vô cùng thích thú khi lắng nghe cây kể về cuộc đời của mình từ khi còn là một hạt mầm bé nhỏ đến khi nhú lên, xòe lá vươn mình trong nắng. Cả bài thơ sử dụng biện pháp nhân hóa thật đặc sắc, thổi hồn vào mầm cây, khiến cho mầm cây cũng có linh hồn, cảm xúc như con người. Bài thơ như câu chuyện thủ thỉ tâm tình nhẹ nhàng - lời kể bắt đầu từ khi cây còn là hạt mầm bé xíu: “Khi đang là hạt... Hạt nằm lặng thinh”. Điều thú vị nhất là khi hạt nảy mầm - mầm cây lúc đó là sự sống, đã có thể lắng nghe mọi vang âm của cuộc sống. “Khi hạt nảy mầm... Nghe tiếng ru hời”. Hình ảnh “Vỏ hạt làm nổi” là một liên tưởng vô cùng độc đáo, thú vị. Mầm cây bé xíu như đứa con được bao bọc, chở che, ru vỗ trong tình yêu thương. Điệp từ “nghe” nhấn mạnh niềm thích thú của mầm cây khi được lắng nghe âm thanh của cuộc sống. Thế rồi, một ngày: “Nghe mầm mở mắt/ Đón tia nắng hồng”. Chẳng mấy chốc mà mầm lá bé xinh đã lớn lên thành cây: “Khi cây đã thành... Bắt đầu bập bẹ”. Mầm cây như đứa trẻ đang lớn lên mỗi ngày, cất tiếng nói đầu tiên bằng màu xanh của lá. Khổ thơ cuối khép lại bài thơ như là lời hứa của cây: “Nay mai sẽ lớn Góp xanh đất trời”. Cây bé nhỏ sẽ góp phần hòa mình vào không gian xanh, làm cho đất trời thêm thanh bình, tươi đẹp. Nhà thơ Trần Hữu Thung chắc hẳn phải có trí tưởng tượng phong phú - hóa mình vào cây để kể chuyện cuộc đời; là người rất yêu mến, gắn bó với thiên nhiên. Cảm ơn nhà thơ đã cho em thấy thiên nhiên quanh ta có bao điều thú vị. Hãy quan sát cuộc sống xung quanh, hãy mở rộng tâm hồn để lắng nghe tiếng lòng của thiên nhiên, tạo vật.

**Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ Mưa của Trần Đăng Khoa**

Mưa là một bài thơ rất thú vị mà em vừa được đọc gần đây. Nhà thơ Trần Đăng Khoa đã nhân hóa tất cả những sự vật có trong bài thơ, tạo nên rất nhiều những hình ảnh sinh động và hấp dẫn. Đặc biệt, bài thơ còn sử dụng thể thơ tự do với các câu thơ dài ngắn khác nhau, gợi lên nhịp điệu của những giọt mưa rả rích. Trong bài thơ, một cơn mưa rào ập đến bật chợt. Dưới đôi mắt của trẻ thơ, ông trời như mặc áo giáp đen, sấm thì ghé xuống sân nhà cười khanh khách. Những cây mía ngả nghiêng trong gió được nhân hóa như đang múa lưỡi gươm dài. Cây bưởi thì khệ nệ bồng bế những đứa con đầu tròn trộc lốc. Bụi tre thì tần ngần gỡ tóc cho kịp tắm trong làn mưa mát rượi. Những sự vật tưởng là bình thường nay bỗng hóa thú vị và hấp dẫn hơn trong bài thơ.

## ****Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ Mây và sóng****

Nhà thơ Ta-go đã gợi lên trong em những cảm xúc trìu mến về tình mẫu tử thiêng liêng qua bài thơ Mây và sóng. Hình ảnh đứa trẻ nhỏ ở trong bài thơ hiện lên thật ngô nghê nhưng chứa chan tình thương yêu dành cho mẹ của mình. Là một đứa trẻ, những trò chơi, những nơi vui chơi mới lạ, những ngày chỉ có rong chơi không phải học tập thật hấp dẫn biết bao. Thế nhưng, người con đã cưỡng lại được những lời mời gọi hấp dẫn ấy của người trên mây, trong sóng. Bởi, đối với người con, hơn tất cả những điều ấy chính là người mẹ đang chờ đợi ở nhà. Nghĩ đến mẹ, tất cả những trò chơi đều trở nên kém hấp dẫn. Người con còn tự nghĩ ra những trò chơi thú vị, để được ở cùng mẹ, được lăn vào lòng mẹ, được cùng mẹ cười tan. Những điều giản dị, mộc mạc ấy khiến người con vui sướng khôn cùng. Bởi chỉ cần được ở bên mẹ là đã hạnh phúc lắm rồi. Tình cảm thuần túy, nồng ấm ấy của người con khiến em như được nhìn thấy chính mình. Bởi em cũng yêu mẹ của mình lắm, cũng vui sướng lâng lâng khi được mẹ ôm vào lòng, thủ thỉ trò chuyện. Thật tuyệt biết mấy khi được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ!

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TIẾT: 101,102,103,104,105**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; tự giải quyết vấn đề.

2. Năng lực riêng biệt:

- Vận dụng được các kĩ năng để làm một bài tổng hợp.

- Năng lực tạo lập một bài văn.

- Năng lực làm bài đọc hiểu;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực tổng hợp kiến thức đã học vào thực hành làm bài tập.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1:**

**TRIỂN KHAI PHÁT ĐỀ CHO HS LÀM BÀI.**

* **Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức và kĩ năng thực hành của HS sau khi học xong chủ đề.**

**HOẠT ĐỘNG 2:**

**HỌC SINH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SAU KHI NHẬN ĐỀ.**

* **Mục tiêu:** HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS.  HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.  **\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút.  HS làm việc cá nhân.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- Sản phẩm của HS.**  \***Cách 1**  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức làm bài của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA HS SAU GIỜ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP** |

**HOẠT ĐỘNG 3: GV NGHIỆM THU SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH**

* **Mục tiêu:** Nhận xét, đánh giá được kĩ năng làm bài tổng hợp của HS.

Chỉnh sửa, giúp đỡ HS sửa lỗi kịp thời.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * Tổ chức thực hiện:   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**.  + GV thu sản phẩm luyện tập tổng hợp của HS.  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận xét lẫn nhau.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- HS** nhận xét đánh giá bài của bạn, sửa lỗi của bản thân.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA HS SAU KHI CHỮA (HOẶC CHẤM) ĐÃ SỬA LỖI.** |

**ĐỀ SỐ 1**

**I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm)**

**Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi**

*Thăm thẳm trời xanh lộng đáy hồ,  
Mùi hoa thiên lý thoảng chiều thu.  
Con cò bay lả trong câu hát,  
Giấc trẻ say dài nhịp võng ru.*  
  
*Lá thấp cành cao gió đuổi nhau,  
Góc vườn rụng vội chiếc mo cau.  
Trái na mở mắt, nhìn ngơ ngác,  
Đàn kiến trường chinh tự thuở nào.*  
  
*Lúa trổ đòng tơ, ngậm cốm non,  
Lá dài vươn sắc lưỡi gươm con.  
Tiếng chim mách lẻo cây hồng chín,  
Điểm nhạt da trời những chấm son. (...)*  
*(Trích Chiều thu, Nguyễn Bính, NXB Văn học, 1993)*

**Câu 1:** Xác định thể thơ của văn bản:  
A. Tự do **B. Thất ngôn (bảy chữ)**  
C. Thất ngôn bát cú D. Song thất lục bát  
**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là:  
**A. Miêu tả**  B. Biểu cảm C. Tự sự D. Nghị luận  
**Câu 3:** Các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ hai là:  
**A. Nhân hóa, liệt kê** B. Nhân hóa, so sánh  
C. Điệp từ, điệp ngữ D. Đối lập, tương phản  
**Câu 4:** Ở khổ thơ đầu của bài thơ cảnh vật được miêu tả bằng những giác quan nào?  
A. Thị giác B. Thính giác C. Khứu giác **D. Cả ba giác quan trên**  
**Câu 5:** Đề tài của bài thơ là:  
A. Đề tài cuộc sống thôn quê B. Đề tài vẻ đẹp đồng quê  
C. Đề tài cảnh đẹp đất nước **D. Đề tài vẻ đẹp thiên nhiên  
Câu 6:** Chủ đề của bài thơ là:  
A. Tâm trạng bâng khuâng thương nhớ quê nhà của người con xa quê  
B. Tâm trạng lưu luyến của con người khi rời xa quê hương  
**C. Vẻ đẹp thơ mộng, đầy sức sống của bức tranh thiên nhiên chiều thu**D. Vẻ đẹp của cuộc sống lao động bình dị nơi quê nhà  
**Câu 7:** Bức tranh mùa thu được miêu tả trong bài thơ là bức tranh như thế nào?  
A. Bức tranh buồn, hiu hắt **B. Bức tranh tươi tắn, đầy sức sống**C. Bức tranh kì vĩ, tráng lệ D. Bức tranh bí ẩn, kì thú  
**Câu 8:** Câu thơ “*Lá thấp cành cao gió đuổi nhau,  
 Góc vườn rụng vội chiếc mo cau”.* Sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. So sánh **B. Nhân hoá**  C. Liệt kê D. Điệp từ

**Câu 9:** Nhận xét về nét đặc sắc của tác giả trong cách cảm nhận vẻ đẹp của mùa thu.  
**Câu 10.** Từ đoạn thơ trên, hãy cho biết vai trò của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người. (Trả lời khoảng 5 dòng).

**II. VIẾT (4 đểm)**

Suy nghĩ của em về tình yêu quê hương của Tế Hanh trong đoạn thơ sau:

*Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ*

*Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.*

*“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,*

*Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.*

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

*Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ*

*Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,*

*Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,*

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!*

*(Trích Quê hương, Tế Hanh, NXB Giáo dục 2014, tr.17)*

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | **Câu 9.** Thi nhân cảm nhận mùa thu bằng tất cả các giác quan và lắng nghe mùa thu bằng cẩ tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của mình: Bằng thị giác, nhà thơ cảm nhận được trời xanh, gió lộng, cánh cò, là thấp cành cao, trải na mở mắt, lúa trổ đòng; bằng thính giác, nhà thơ lắng nghe được tiếng câu hát, nhịp võng ru, tiếng chim mách lẻo; bằng khứu giác, nhà thơ cảm nhận được mùi của mùa thu: Mùi thiên lí… Như vậy, cách cảm nhận mùa thu của nhà thơ rất đặc biệt, nhà thơ như căng mọi giác quan của mình để đón nhận cảnh thu. | 1,0 |
|  | **10** | **Câu 10.** Ý nghĩa của của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người: Quê hương là nguồn cội, là nơi ta sinh ra, gắn bó một chặng đường đời, hoặc sống cả cuộc đời ở đó. Quê hương có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi người. Đó là nơi chúng ta cất tiếng khóc chào đời, nơi có mẹ cha, những người thân yêu.  - Là nơi ta có sự kết nối với họ. Quê hương không chỉ nuôi dưỡng ta lớn lên về thể xác, mà còn nuôi dưỡng tâm hồn. Hạt lúa củ khoai cho ta vóc dáng, văn hóa, truyền thống làng quê cho ta biết yêu nguồn cội, biết uống nước nhớ nguồn. Quê hương còn là động lực để mỗi con người lao động, sáng tạo, cống hiến, làm giàu cho nơi mình đã sinh ra. Quê hương nâng đỡ tâm hồn ta mỗi lúc ta đi xa, chào đón ta mỗi khi ta trở về. Quê hương nuôi lớn tình yêu Tổ quốc và ý thức xây đắp, bảo vệ đất nước. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | |  | | --- | | *a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận* | | Có đủ *Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân* | | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Tình yêu quê hương của Tế Hanh trong đoạn thơ. | 0,25 |
| Học sinh có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **1. Mở bài**   |  | | --- | | - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm và đoạn thơ.  **2. Thân bài** | | + Triển khai các nhận xét về tình yêu quê hương và nghệ thuật đặc sắc | | của tác giả thể hiện trong đoạn thơ: | | - Đoạn thơ diễn tả tình yêu quê hương tha thiết, trong sáng của nhà thơ | | Tế Hanh trong hoàn cảnh xa cách: | | + Khắc chạm trong tâm trí nhà thơ là cảnh dân làng đón thuyền đánh cá | | trở về bến. Tình yêu quê hương ở đây gắn liền với niềm vui, hạnh phúc | | của người dân chài khi được mẻ cá “đầy ghe”; là niềm tự hào về những | | chàng trai làng chài khỏe mạnh, cường tráng; là tình cảm yêu mến với | | con thuyền và biển cả, thiên nhiên. | | + Nỗi nhớ quê hương bồi hồi, da diết luôn thường trực trong lòng tác giả | | qua những hình ảnh gần gũi, thân thương nhất: *màu nước xanh, cá bạc,* | | *chiếc buồm vôi*... và hương vị mặn mòi của biển cả. | | - Nghệ thuật: lời thơ bình dị mà gợi cảm; thể thơ 8 chữ với cách ngắt | | nhịp, gieo vần linh hoạt; các biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi | | cảm giác...sử dụng rất tinh tế.  **3. Kết bài** | | - Đánh giá chung: Giá trị của đoạn thơ, bài thơ; bày tỏ suy nghĩ của bản thân. | | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |

**Đề số 2:**

**I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**

**Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

*Quê hương là gì hở mẹ?  
Mà cô giáo dạy phải yêu.  
Quê hương là gì hở mẹ?  
Ai đi xa cũng nhớ nhiều.*

*Quê hương là chùm khế ngọt  
Cho con trèo hái mỗi ngày.  
Quê hương là đường đi học  
Con về rợp bướm vàng bay.*

*Quê hương là con diều biếc  
Tuổi thơ con thả trên đồng.  
Quê hương là con đò nhỏ  
Êm đềm khua nước ven sông.*

*Quê hương là cầu tre nhỏ  
Mẹ về nón lá nghiêng che  
Là hương hoa đồng cỏ nội  
Bay trong giấc ngủ đêm hè.*

*Quê hương là vòng tay ấm  
Con nằm ngủ giữa mưa đêm.  
Quê hương là đêm trăng tỏ  
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm.  
  
Quê hương là vàng hoa bí  
Là hồng tím giậu mồng tơi  
Là đỏ đôi bờ dâm bụt  
Màu hoa sen trắng tinh khôi.*

*Quê hương mỗi người chỉ một  
Như là chỉ một mẹ thôi  
Quê hương nếu ai không nhớ…*

*(Quê hương - Đỗ Trung Quân)*

**Câu 1**. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Lục bát B. Tự do

**C. Thơ sáu chữ** D. Lục bát biến thể

**Câu 2**. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên?

**A. Biểu cảm** B. Tự sự

C. Miêu tả D. Miêu tả kết hợp biểu cảm

**Câu 3:** Cụm từ được nhắc đến nhiều nhất trong bài thơ là:

A. Con đò **B. Quê hương** C. Chùm khế D. Diều biếc

**Câu 4:** Tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ là tình cảm gì?

A. Nỗi nhớ về tuổi thơ, sự hoài niệm về tuổi thơ B. Tình yêu thiên nhiên

**C. Tình yêu quê hương đất nước** D. Tình cảm gia đình

**Câu 5:** Việc nhắc lại 2 lần câu hỏi tu từ “Quê hương là gì hả mẹ”? có tác dụng gì?

A. Nhấn mạnh sự da diết tình cảm lưu luyến của nhân vật trũ tình

B. Thể hiện sự nặng lòng của nhân vật trữ tình đối với quê hương

C. Thể hiện sự thắc mắc của em bé với nhân vật trữ tình.

D. Ca ngợi vẻ đẹp quê hương của nhân vật trữ tình.

**Câu 6:** Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: “Quê hương là con diều biếc”?

A. Nhắc nhớ những kỷ niệm gần gũi bình dị về quê hương của mỗi người

B. Thấy được sự êm đềm của quê hương đối với tuổi thơ của mỗi người

C. Gợi tả không gian nghệ thuật tuyệt đẹp về tuổi thơ gắn liền với quê hương

D. Gợi hình ảnh cánh diều biếc trao nghiêng trên bầu trời tuổi thơ của nhân vật trữ tình

**Câu 7:** Ba câu thơ cuối tác giả muốn nhắn nhủ người đọc điều gì?

A. Yêu mến trân trọng những giá trị về cuộc sống

B. Mỗi chúng ta phải biết yêu thương, trân trọng những điều xung quanh mình

C. Tình yêu quê hương bắt đầu từ những điều giản dị nhất.

D. Mỗi chúng ta hãy luôn sống và làm việc có ích, yêu quê hương xứ sở của mình

**Câu 8**: Nét độc đáo của bài thơ được thể hiện;

A. qua những từ ngữ, hình ảnh giản dị chứa đựng tình cảm yêu quê hương sâu sắc.

B. qua hình ảnh quê hương đa màu sắc muôn hoa đua nở của tác giả

C. về thể thơ 6 chữ giàu cảm xúc của tác giả khi nói về quê hươmg

D. về tình cảm, cảm xúc của tác giả giành cho quê hương của mình

**Câu 9**:Qua bài thơ, tác giả muốn gửi gắm tới người đọc thông điệp gì? (Trình bày từ 1 đến 3 câu văn)

**Câu 10**: Từ việc đọc hiểu văn bản thơ, là học sinh chúng ta cần thể hiện tình yêu quê hương bằng những việc làm cụ thể nào? (Trình bày khoảng 3 câu văn)

**II. VIẾT (4 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: “Trang phục đẹp là trang phục hợp văn hóa, hợp lứa tuổi”. Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | **Câu 9.** Học sinh đưa ra được một vài thông điệp phù hợp với nội dung của bài thơ, có thể đưa ra những thông điệp sau:  - Quê hương là nơi khi ta đi xa mà luôn nhớ về.  - Quê hương giáo dục chúng ta, nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta để ta được trở thành một con người tốt, thành một công dân tốt.  - Chúng ta phải nhớ đến, trân trọng, biết ơn quê hương mình. | 1,0 |
|  | **10** | **Câu 10.**  Học sinh nêu những việc làm cụ thể của bản thân góp phần xây dựng quê hương. *(Nêu tối thiểu 3 việc làm)*  - Tích cực học tập, rèn luyện đạo đức, kĩ năng...sống trở thành người công dân tốt góp phần xây dựng quê hương.  - Sống đoàn kết, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn...  - Giữ gìn phong tục, truyền thống tốt đẹp của quê hương...  - Quảng bá, giới thiệu hình ảnh của quê hương đến với mọi người. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | **1. Hình thức:**  - Vận dụng tốt kiểu bài nghị luận có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Trình bày bố cục ba phần. Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp.  - Diễn đạt trôi chảy, trong sáng, mạch lạc.  - Ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác.  **2. Nội dung:**  Triển khai theo dàn bài gợi ýsau: | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: “Trang phục đẹp là trang phục hợp văn hóa, hợp lứa tuổi”. Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên | 0,25 |
| Học sinh có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu vấn đề nghị luận: trang phục của học sinh và trích dẫn câu nói  **2. Thân bài:**  - Giải thích sơ lược ý kiến:  - Ý kiến trên nhằm đưa ra vấn đề về trang phục đẹp của người học sinh. Khuyên chúng ta phải biết lựa chọn trang phục hợp lứa tuổi, hợp văn hóa.  - Bàn luận:  + Khẳng định vấn đề đúng: Quan điểm về trang phục trên là hoàn toàn đúng đắn. Xét trên thực tế, học sinh là lứa tuổi còn rất trẻ, sống phụ thuộc, học tập trong một môi trường tập thể. Bởi vậy, trang phục phải có sự hòa đồng với bạn bè, làm xóa đi ranh giới phân biệt giàu nghèo. Do vậy, đồng phục học đường là cần thiết để tạo nên sự bình đẳng, đoàn kết trong bạn bè để cùng nhau phấn đấu đi tới mục đích thi đua, rèn luyện, tu dưỡng. Bên cạnh trang phục học đường, những khi đi chơi hay ở nhà, học sinh cũng cần chọn trang phục phù hợp với thuần phong mĩ tục của người Việt, đó là sự gọn gàng, giản dị, kín đáo. Đồng thời việc lựa chọn trang phục cần phù hợp với hoàn cảnh sống của gia đình, đất nước.  + Ý nghĩa của việc thực hiện trang phục đẹp.  + Mở rộng vấn đề: Hiện nay vẫn còn một bộ phận học sinh ăn mặc thiếu lành mạnh, không phù hợp với văn hóa, lứa tuổi. Thật đáng lên án và phê phán…  - Bài học nhận thức.  **3. Kết bài:**  **-** Khẳng định lại vấn đề nghị luận.Đưa ra lời khuyên phù hợp. | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 3**

1. **ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**

**Đọc kĩ nội dung đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

**TRONG LỜI MẸ HÁT**

*“Tuổi thơ chở đầy cổ tích*

*Dòng sông lời mẹ ngọt ngào*

*Đưa con đi cùng đất nước*

*Chòng chành nhịp võng ca dao*

*Con gặp trong lời mẹ hát*

*Cánh cò trắng, dải đồng xanh*

*Con yêu màu vàng hoa mướp*

*“Con gà cục tác lá chanh”*

*Thời gian chạy qua tóc mẹ*

*Một màu trắng đến nôn nao*

*Lưng mẹ cứ còng dần xuống*

*Cho con ngày một thêm cao*

*Mẹ ơi trong lời mẹ hát*

*Có cả cuộc đời hiện ra*

*Lời ru chắp con đôi cánh*

*Lớn rồi con sẽ bay xa*

*(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát, NXB Giáo dục, 2008)*

**Câu 1.**Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Nghị luận. B. Tự sự. **C. Biểu cảm**  D. Miêu tả.

**Câu 2.**Ở văn bản này, người con đã gặp trong lời mẹ hát những hình ảnh quen thuộc nào?

A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh.

B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh.

C. Có cả cuộc đời hiện ra.

**D. Cả A, B, C đều đúng.**

**Câu 3.**Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: *Thời gian chạy qua tóc mẹ?*

A. So sánh. B. Nói quá. **C. Nhân hóa.** D. Hoán dụ.

**Câu 4.**Em hiểu như thế nào về nội dung chính của lời thơ sau:

*Lưng mẹ cứ còng dần xuống*

*Cho con ngày một thêm cao*

A. Gợi hình ảnh người mẹ vất vả.

B. Tình yêu thương của người con đối với mẹ.

**C. Thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của người con đối với mẹ**

D. Tình thương của người mẹ đối với con.

**Câu 5.** Lời thơ nào sau đây thể hiện rõ nét giá trị lời ru của mẹ?

**A***. Thời gian chạy qua tóc mẹ/*

*Một màu trắng đến nôn nao.*

**B.** *Lời ru chắp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa*

C. Tuổi thơ chở đầy cổ tích/

Dòng sông lời mẹ ngọt ngào.

D. Con gặp trong lời mẹ hát/ Cánh cò trắng, dải đồng xanh.

**Câu 6.** Ý nào sau đây khái quát nội dung chính của văn bản?

**A. Đề cập đến ý nghĩa lời ru của mẹ, đồng thời thể hiện lòng biết ơn của nhà thơ đối với công ơn của mẹ.**

B. Đề cập đến hình bóng người mẹ gắn với tuổi thơ và lời ru ngọt ngào.

C. Đề cập đến những năm tháng tuổi thơ của tác giả cùng người mẹ tảo tần.

D. Đề cập đến tấm lòng người mẹ.

**Câu 7.**Ở văn bản này, người con đã gặp trong lời mẹ hát những hình ảnh quen thuộc nào?

A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh.

B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh.

C. Có cả cuộc đời hiện ra.

**D. Cả A, B, C đều đúng.**

**Câu 8.** Hình ảnh người mẹ qua đoạn thơ trên hiện lên như thế nào?

A. Người mẹ tần tảo, vất vả B. Người mẹ yêu thương con

B. Người mẹ hi sinh tất cả vì con **D. Tất cả ý trên đều đúng**

**Câu 9.**Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển tâm hồn của người con? Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho em những cảm xúc gì?

**Câu 10.**Nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm thông điệp gì từ văn bản trên?

**II. VIẾT (4 điểm)**

Hãy viết bài văn nghị luận về tình trạng học tủ, học vẹt của học sinh hiện nay?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | **Câu 9.**  - Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển tâm hồn của người con. Lời ru của mẹ đã mang cả thế giới truyền đạt lại cho con, lời ru đó cùng con khôn lớn và đã là thứ cổ vũ tinh thần con đến suốt cuộc đời.  **-** Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho em hình ảnh người mẹ tần tảo, yêu thương con của mình vô bờ bến. Khi đọc bài thơ, em thấy rất xúc động và thấy yêu thương mẹ của mình nhiều hơn. | 1,0 |
|  | **10** | **Câu 10.**  Qua văn bản trên, nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm đến mọi người thông điệp:  + Hãy luôn yêu thương và trân trọng khi còn có mẹ.  + Lời ru con là một văn hóa rất đẹp, hãy giữ gìn và phát huy nó.  + Luôn ghi nhớ công ơn nuôi dưỡng và giáo dục của bố mẹ mình. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | **1. Hình thức:**  - Vận dụng tốt kiểu bài nghị luận có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Trình bày bố cục ba phần. Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp.  - Diễn đạt trôi chảy, trong sáng, mạch lạc.  - Ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác.  **2. Nội dung:**  Triển khai theo dàn bài gợi ýsau: | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: “Lối học vẹt, học tủ của học sinh hiện nay” | 0,25 |
| Học sinh có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **1. Mở bài**  - Dẫn dắt, nêu khái quát về vấn đề học vẹt và học tủ trong xã hội ngày nay. Sơ lược nhận định, ý kiến của em về vấn đề này.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích về học vẹt học tủ:**  - Học tủ là gì? Chỉ học một hoặc một vài phần trong số những kiến thức, bài học cần thiết.  - Học vẹt là gì? Học thuộc vanh vách câu từ nhưng không hiểu ý nghĩa bài học.  - Học tủ, học vẹt là cách học sai lầm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng học tập.  **b. Nêu thực trạng học vẹt và học tủ trong nhà trường**: cách học trở nên phổ biến, tràn lan, ít được quan tâm, kiểm soát ... (dẫn chứng một số ví dụ cụ thể).  **c. Những nguyên nhân dẫn đến học vẹt, học tủ:**  - Tinh thần tự giác học tập của học sinh chưa cao (lười học bài, chờ may rủi nên chỉ học một phần).  - Học sinh chưa ý thức được tầm quan trọng của việc lí giải và vận dụng kiến thức.  - Nhiều trường hợp giáo viên nhồi nhét kiến thức, không tóm gọn trọng tâm bài học, cho ghi chép tràn lan khiến học sinh khó có thể vừa học thuộc vừa lí giải kĩ, tạo cảm giác mệt mỏi, chán học.  - Việc rèn luyện, thực hành, ứng dụng thực tế trong nhà trường chưa được chú trọng khiến học sinh không có cơ hội kiểm chứng kiến thức, tiếp thu kiến thức thụ động, khó làm chủ kiến thức.  **d. Những tác hại của học tủ, học vẹt:**  - Học sinh mất hứng thú với việc học, dễ chán nản.  - Không làm chủ được kiến thức, không ứng dụng được kiến thức vào thực tế khiến việc học mất đi ý nghĩa của nó.  - Chất lượng giáo dục ngày càng đi xuống.  - Hiệu quả làm việc trong tương lai không lí tưởng.  - Xã hội ngày càng kém phát triển.  **e. Biện pháp khắc phục việc học vẹt học tủ:**  - Tuyên truyền giúp học sinh cần nâng cao ý thức, điều chỉnh thái độ trong học tập và tiếp cận kiến thức.  - Học sinh xác định rõ mục tiêu học tập để có phương pháp học phù hợp.  - Cải cách, điều chỉnh phương thức giảng dạy kiến thức trong nhà trường. (tăng số lượng và hiệu quả các tiết thực hành, tóm gọn kiến thức trọng tâm tránh cho học sinh ghi chép thừa quá nhiều, làm sinh động bài giảng...).  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại quan điểm, ý kiến về vấn đề học tủ, học vẹt. Bàn luận mở rộng vấn đề. | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 4**

1. **ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**

**Đọc kĩ nội dung đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

*Lần đầu khi mới làm quen*

*Anh khen cái nhìn em đẹp*

*Trời mưa òa cơn nắng đến*

*Anh khen đôi má em hồng*

*Gặp người tàn tật em khóc*

*Anh khen em nhạy cảm thông*

*Thấy em sợ sét né giông*

*Anh khen: Sao mà hiền thế*

*Thấy em nâng niu con trẻ*

*Anh khen: Em thật dịu dàng*

*Khi hôn lên câu thơ hay*

*Át trang sách vào mái ngực*

*Em nghe tim mình thổn thức*

*Thương người làm thơ đã mất*

*Trái tim giờ ở nơi đâu?*

*Khi đọc một cuộc đời buồn*

*Lòng em sót xa ấm ức*

*(Trích Anh đừng khen em - Lâm Thị Mỹ Dạ)*

**Câu 1.**Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Nghị luận. B. Tự sự. **C. Biểu cảm**  D. Miêu tả.

**Câu 2.** Xác định thể thơ của bài thơ trên?

**A. Thể thơ 6 chữ** B. Thể thơ 7 chữ

C. Thể thơ Thất ngôn bát cú Đường Luật D. Thể thơ tứ tuyệt.

**Câu 3**. Trong các câu thơ trên biện pháp nghệ thuật nào tiêu biểu

A. Liệt kê **B. Điệp ngữ** C. Nhân hoá C. So sánh

**Câu 4.** Chủ thể trữ tình trong bài thơ trên là ai?

A. Anh B. Em C. Cô gái **D. Anh và em**

**Câu 5.** Nội dung chính của đoạn trích trên?

A. Lời khen của chàng trai khiến cô gái không nhận ra được nhược điểm của bản thân.

B. Cô gái muốn nhìn nhận để nhận ra nhược điểm của chính mình.

C. Giúp đỡ chàng trai vì những lời khen hoàn hảo của chàng trai dành cho cô gái.

**D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.**

**Câu 6.** Theo đoạn trích trên chàng trai khen cô gái ngay từ lúc nào?

**A. Lúc đầu làm quen**  B. Khi đã quen biết

C. Khi có cảm tình với cô gái D. Khi đã yêu

**Câu 7.** Tình cảm của tác giả được thể hiện qua đoạn trích trên?

A. Thể hiện tấm lòng trân quý dành cho người yêu.

B. Bày tỏ sự biết ơn trước những lời khen ngọt ngào chân thành

C. San sẻ giúp đỡ lẫn nhau để cả hai trở lên hoàn thiện hơn.

**D. Cả ba đáp án trên đều đúng**

**Câu 8**. Qua bài thơ cô gái mong muốn điều gì ở chàng trai?

A. Mong chàng trai khen mình thật nhiều

**B. Cô mong chàng trai đừng khen cô để cô có thể nhận ra nhược điểm của mình mà khắc phục. Cô sợ tình cảm chàng trai dành cho mình quá nhiều mà tình yêu mình cho đi lại chẳng đủ.**

C. Cô rất thích được chàng trai khen mình

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

**Câu 9**. Từ nội dung đoạn trích trên em hãy trình bày suy nghĩ của mình về cách sử dụng lời ca ngợi trong cuộc sống?

**Câu 10.** Em hiểu như thế nào về các dòng thơ sau: *“Em sợ lời khen của anh Như sợ chiều về, hắt tối”*

**II. VIẾT (4 điểm)**

Hãy giới thiệu một trò chơi mang bản sắc dân tộc Việt Nam.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | **Câu 9.** Lời khen rất quan trọng trong đời sống của chúng ta, nó là động lực giúp mọi người cảm thấy hạnh phúc hơn và nỗ lực hơn. Nó thúc đẩy mọi người cố gắng và nỗ lực nhiều hơn.  - Tuy nhiên chúng ta phải biết sử dụng lời khen đúng lúc, đúng chỗ không nên khen ngợi những điều chưa thật sự tốt mà cần dành lời khen cho những người thật sự cố gắng, tránh những lời khen sáo rỗng. Tóm lại lời khe có ý nghãi rất quan trọng trong đời sống vì vậy mỗi chúng ta đừng tiết kiệm lời khen để cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. | 1,0 |
|  | **10** | **Câu 10.** Hai câu thơ trên có có thể hiểu là người con gái được một người con trai khen về nhan sắc, tài năng... nhưng cô gái trẻ bỗng đâm ra lo sợ lo sợ sự sụp đổ của tâm hồn mới bừng sáng cùng nỗi héo hon của những tính cách của mình. Tác giả lo sợ lời khen đó sẽ mãi biến mất u tôi như sự hắt hiu của xế chiều. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | **1. Hình thức:**  - Vận dụng tốt kiểu bài thuyết minh có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.  - Trình bày bố cục ba phần. Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp.  - Diễn đạt trôi chảy, trong sáng, mạch lạc.  - Ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác.  **2. Nội dung:**  Triển khai theo dàn bài gợi ý sau: | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Hãy giới thiệu một trò chơi mang bản sắc dân tộc Việt Nam. | 0,25 |
| **\* Yêu cầu chung:**  - Về kiến thức: cung cấp kiến thức chính xác, khách quan, hữu ích về một trò chơi *mang bản sắc dân tộc Việt Nam*: Nghĩa là một trò chơi có từ thời xa xưa, thể hiện những nét riêng của dân tộc Việt Nam, toát lên nếp sống của người dân (trò chơi thả diều, chơi chuyền, chơi nhảy dây, chơi ô ăn quan, kéo co,...). Đây là đề mở để học sinh tự lựa chọn một trò chơi dân gian mà các em yêu thích và am hiểu nhất để giới thiệu.  *Lưu ý: Nếu học sinh thuyết minh về một trò chơi nhưng không mang bản sắc dân tộc Việt Nam, giám khảo cho 1,0 điểm.*  - Về kỹ năng:  + Bố cục bài hoàn chỉnh có mở bài, thân bài, kết bài.  + Diễn đạt trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.  + Trình bày rõ ràng, biết sử dụng các phương pháp thuyết minh phù hợp và kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm.  **1. Mở bài**  - Dẫn dắt, giới thiệu về một một trò chơi dân gian.  **2. Thân bài**  Học sinh thuyết minh theo các ý chính sau:  - Giới thiệu nguyên liệu (dụng cụ) để làm trò chơi.  - Thời gian và địa điểm chơi.  - Cách thức chơi.  - Ý nghĩa của trò chơi trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam, đặc biệt là tuổi ấu thơ.  **3. Kết bài.**  - Khái quát cảm nghĩ về trò chơi dân gian. | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |

**ĐỀ SỐ 5**

1. **ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**

**Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

*Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi*

*Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh*

*Trên con đường viển trắng mép đồi xanh*

*Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết*

*Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc*

*Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon*

*Vài cụ già chống gậy bước lom khom*

*Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ*

*Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ*

*Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu*

*Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau*

*Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa*

*Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa*

*Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh*

*Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh*

*Người mua bán ra vào đầy cổng chợ…*

*(Theo Chợ tết - Đoàn Văn Cừ)*

**Câu 1**. Xác định thể thơ của bài thơ trên?

A. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt B. Thể thơ Lục bát

C. Thể thơ 7 chữ **D. Thể thơ tám chữ**

**Câu 2.** Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ

A. Tự sự B. Miêu tả **C. Biểu cảm** D. Nghị luận

**Câu 3**. Em có nhận xét gì khung cảnh chợ Tết?

A. Vắng vẻ **B. Đẹp, tươi vui**

C. Lộn xộn, xơ xác D. Hoang sơ, đổ nát

**Câu 4:**  Bên cạnh những dáng vẻ riêng, những người đi chợ Tết có điểm gì chung?

**A. Ai cũng vui vẻ** B. Ai cũng lo lắng

C. Ai cũng chán nản D. Ai cũng hồi hộp

**Câu 5.** Câu thơ sau: “Sương hồng lam ôm ấp mái nhà tranh”.  Sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

**A. Nhân hoá** B. So sánh C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

**Câu 6:** Người các ấp đi chợ Tết trong khung cảnh đẹp như thế nào?

A. Bức tranh mùa xuân vui tươi, tràn đầy sức sống.

**B. Bức tranh chợ Tết miền trung du giàu màu sắc và vô cùng sinh động đã nói về cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc của những người dân quê.**

C. Bức tranh chợ Tết miền Tây sông nước đầy sôi động cho thấy một cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân quê.

D. Bức tranh đầy màu sắc hoang sơ, heo hút của những con người sống ở vùng núi thưa thớt ít người qua lại.

**Câu 7**. Cho biết trong câu sau có mấy từ tượng hình:

*Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon*

*Vài cụ già chống gậy bước lom khom*

**A. 2 từ** B. 3 từ C. 4 từ D. 5 từ

**Câu 8:** Nội dung chính của bài thơ trên là gì?

A. Đoạn thơ miêu tả và kể về một phiên chợ Tết ở nông thôn Việt Nam.

B. Đi chợ Tết là một nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

C.Người đi chợ Tết ai cũng vui vẻ, từ cụ già cho tới các cô thiếu nữ, trẻ con, người mua kẻ bán tấp nập trong khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp đậm sắc xuân.

**D. Cả ba đáp án trên đều đúng.**

**Câu 9.** Thông điệp bài thơ gửi tới bạn đọc?

**Câu 10.** Nêu cảm nhận của em về bài thơ Chợ tết của Đoàn Văn Cừ?

**II. VIẾT (4 điểm)**

Câu nói của M. Go-rơ-ki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống” gợi cho em những suy nghĩ gì?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | **Câu 9.** Bài thơ đã vẽ ra được một bức tranh chợ Tết ở miền trung du thật đẹp, thật tươi vui thể hiện cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân ở vùng đồi núi. Thông qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước tha thiết của nhà thơ… | 1,0 |
|  | **10** | **Câu 10.** Học sinh tự cảm nhận trả lời các ý cơ bản sau:  - Bài thơ là một bức tranh chợ Tết miền trung du giàu màu sắc và vô vùng sinh động.  - Người đi chợ Tết ai cũng vui vẻ, từ cụ già cho tới các cô thiếu nữ, trẻ con, người mua kẻ bán tấp nập trong khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp đậm sắc xuân. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | \* Yêu cầu về kĩ năng:  - Bài văn nghị luận bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.  - Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | 0,25 |
|  | \* Yêu cầu về kiến thức:  - HS có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | 0,25 |
| **1. Mở bài:**  - Giới thiệu vai trò của sách (Sách là báu vật không thể thiếu trong đời sống con người)  - Trích dẫn câu nói của M. Go-rơ-ki: “ ....”  **2. Thân bài:**  a. Giải thích sách là gì?  - Là kho tàng tri thức  - Là sản phẩm của quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và là kho tàng quý báu của nhân loại  b. Lí giải vì sao: Sách là nguồn kiến thức vô tận, chỉ có kiến thức mới là con đường sống?  - Sách là nguồn kiến thức vô tận của loài người, là sản phẩm kì diệu của con người.  - Sách cho ta hiểu về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, giúp con người hiểu sâu hơn về khoa học tự nhiên, về tâm lí, tình cảm...qua nhiều loại sách khác nhau. (dẫn chứng)  - Sách giúp ta hiểu về cuộc sống con người trong các thời kì khác nhau, các dân tộc khác nhau... (dẫn chứng)  - Chỉ có kiến thức, chúng ta mới biết được cái đúng cái sai, điều phải điều trái, chính nghĩa phi nghĩa. Từ đó, ta mới tìm được con đường đi phía trước của mình một cách đúng đắn. Ta mới sống một cách đúng nghĩa.  c. Suy nghĩ của bản thân về câu nói của M. Go-rơ-ki: Câu nói hoàn toàn đúng vì ông đã chỉ ra được tác dụng to lớn của sách.  - Cần phải chọn sách tốt, sách hay để đọc và tránh xa sách dở, sách có hại.  - Cần phải chăm đọc sách để hiểu biết nhiều hơn và sống tốt hơn.  - Cần tiếp cận ánh sáng trí tuệ chưa đựng trong sách, hiểu nội dung sách và làm theo sách...  **3. Kết bài:**  - Khẳng định tính đúng đắn của câu nói.  - Khẳng định lại tác dụng to lớn của sách.  - Nêu phương hướng hành động của cá nhân. | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |

**ĐỀ 8: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

**I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.  
  
Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.  
  
Bèo giạt về đâu, hàng nối hàng;  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cầu gợi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.  
  
Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,  
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.  
Lòng quê dợn dợn vời con nước,  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

*(Theo Tràng Giang – Huy Cận)*

**Câu 1:** Ấn tượng, cảm giác chung dễ thấy nhất về khung cảnh, không khí của "tràng giang" trong bài thơ Tràng giang của Huy Cận toát ra từ khổ thơ thứ hai là gì?

**A. Hoang vắng, trơ trọi, quạnh quẽ** B. Trơ trọi, hoang vắng.

C. Quạnh quẽ. D. Hoang vắng.

[**Câu 2.** **Trong khổ thơ hai bài Tràng giang của Huy Cận, từ nào không phải là từ láy?**](https://doctailieu.com/trac-nghiem/trong-kho-tho-hai-bai-trang-giang-cua-huy-can-tu-nao-khong-phai-la-tu-lay-b-76748)

A. "chót vót" **B. "chợ chiều"** C. "đìu hiu" D. "lơ thơ"

[**Câu 3**. **Hình ảnh dòng sông trong bài thơ là biểu tượng cho điều gì?**](https://doctailieu.com/trac-nghiem/hinh-anh-dong-song-trong-bai-tho-la-bieu-tuong-cho-dieu-gi-d-tat-ca-deu-dung-76745)

A. Nỗi buồn nhân thế B. Dòng sông nhân thế

C. Không gian vô cùng vô tận **D. Tất cả đều đúng**

**Câu 4:** Trong khổ hai bài Tràng giang của Huy Cận, thi sĩ dùng cái gì để diễn tả sự vắng lặng, cô tịch của không gian?

A. Sự thiếu vắng hình ảnh sự sống con người.

B. Sự thiếu vắng tình người.

C. Sự thiếu vắng âm thanh và ánh sáng.

**D. Sự thiếu vắng âm thanh sự sống con người.**

**Câu 5:** Câu thơ đề từ “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” của bài Tràng giang có ý nghĩa:

**A. Thể hiện nỗi buồn và sự nhớ thương trước vũ trụ bao la, bát ngát.**

B. Thể hiện tâm trạng cô đơn của thi sĩ

C. Thể hiện tâm trạng bâng khuâng của con người khi đối diện với thiên nhiên.

D. Thể hiện sự nhỏ bé của con người trước vũ trụ bao la đến rợn ngợp

**Câu 6:** Nội dung nào sau đây đúng khi nói về bài thơ “Tràng giang” của Huy Cận?

 A. Bài thơ điển hình cho hệ thống thi pháp trung đại: hoài niệm, cổ kính, hoang sơ đậm chất Đường thi.

**B. Bài thơ tạo dựng một bức tranh thiên nhiên cổ kính, hoang sơ với tầm vóc mênh mang, vô biên, đậm chất Đường thi, song vẫn có nét quen thuộc, hần gũi.**

 C. Bài thơ mang lại một không gian mênh mông, bao la, vô tận với những hình ảnh thiên nhiên mang tầm vóc vũ trụ lớn lao, to lớn, kì vĩ.

 D. Bài thơ là bức tranh thiên nhiên sông nước Việt Nam quen thuộc, gần gũi, thân thiết, bình dị ở bất kì một làng quê nào, thể hiện nỗi lòng yêu quê hương đất nước Việt Nam.

[**Câu 7**. **N**ỗi niềm thấm đẫm toàn bộ bài thơ Tràng giang của Huy Cận là:](https://doctailieu.com/trac-nghiem/noi-niem-tham-dam-toan-bo-bai-tho-trang-giang-cua-huy-can-la-d-noi-buon-trac-76732)

A. Nỗi hoài nghi. B. Nỗi băn khoăn.

C. Nỗi tuyệt vọng. **D. Nỗi buồn.**

[**Câu 8.**Âm điệu chung của bài thơ là gì?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/am-dieu-chung-cua-bai-tho-la-gi-b-buon-man-mac-sau-lang-trac-nghiem-mon-ngu-76737)

A. Nhẹ nhàng, thanh thoát. **B. Buồn man mác, sâu lắng.**

C. Vui tươi, hóm hỉnh, dí dỏm. D. Sinh động, nhộn nhịp.

**Câu 9.** Đoạn trích cho thấy tình cảm, thái độ gì của nhà thơ?

**Câu 10**. Nêu cảm nhận của em khi đọc bài thơ?

**II. VIẾT (4 điểm)**

Hãy viết bài văn nghị luận nêu tác hại của thuốc lá.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | **Câu 9**. Qua đoạn trích cho thấy từ cảnh vật, không gian đều mang nét gợi buồn cho thấy tâm trạng u buồn của tác giả. Một bức tranh gợi về số phận nổi trôi, bơ vơ, bất hạnh của kiếp người trong xã hội cũ. | 1,0 |
|  | **10** | **Câu 10.** Học sinh tự cảm nhận (3-5 dòng) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | \* Yêu cầu về kĩ năng:  Viết đúng kiểu bài văn nghị luận kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm. Bài viết có bố cục hợp lí.Ngôn từ trong sáng, dễ hiểu.Hình thức trình bày sạch sẽ. | 0,25 |
|  | \* Yêu cầu về kiến thức:  - HS có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | 0,25 |
| **1. Mở bài:**  - Giới thiệu về tệ nạn hút thuốc lá và tác hại của nó đối với sức khỏe con người.  **2. Thân bài:**  - Đánh giá được hiện trạng của tệ nạn hút thuốc là hiện nay.  - Phân tích được những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tệ nạn.  - Phân tích rõ tác hại của hút thuốc lá.  + Về sức khỏe. Người hút: Chất ni – co – tin, hắc ín trong khói thuốc gây ra bệnh về hô hấp, tim mạch…(Dẫn chứng). Đối với mọi người: Khi hít phái khói thuốc cũng bị các bệnh như người hút.  + Về kinh tế: Hút thuốc là làm tổn hại về kinh tế của người hút (Dẫn chứng)  + Về đạo đức: là con đường dẫn đễn các tệ nạn khác.  - Đề xuất được các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn.  **3. Kết bài**: Nêu ý kiến của bản thân, lời khuyên, lời kêu gọi hãy tránh xa tệ nạn hút thuốc lá. | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. | 0,25 |

HẾT CHỦ ĐỀ 7